

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA ,ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CẤP CƠ SỞ**

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT – CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC**

**ĐỊA CHỈ: 1/67 NGUYỄN VĂN QUÁ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 06 NĂM 2026

KẾ HOẠCH
Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

I. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

Nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như chủ động phòng ngừa và ứng phó kịp thời các sự cố môi trường có thể phát sinh trong quá trình sản xuất, bảo quản, lưu trữ nguyên liệu, hóa chất và xử lý chất thải của công ty, giảm thiểu tác động đến môi trường, sức khỏe người lao động và cộng đồng xung quanh.

Việc xây dựng kế hoạch còn góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động sản xuất được duy trì ổn định. Đây là cơ sở quan trọng để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Căn cứ Luật số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 về Bảo vệ môi trường;

Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Thông tư 02/2022/TT-BNNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Giấy phép môi trường số 222/GPMT -STNMT ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cho Cơ sở “Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic” tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin chung

2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động

Tổng diện tích phục vụ hoạt động của Cơ sở là 9.434,3 m², tọa lạc tại 1/67 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2008 và Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Vị trí tiếp giáp của Cơ sở cụ thể như sau:

- Phía Đông: Khu dân cư;
- Phía Tây: Khu dân cư;
- Phía Nam: Khu dân cư;
- Phía Bắc: Giáp đường hẻm khu dân cư.

2.2. Thông tin chung về cơ sở

Tên cơ sở: Nhà máy Công ty Cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic

Địa điểm hoạt động: 1/67 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa điểm trụ sở chính: 367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39200300

Người liên lạc: Ông Lê Việt Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp: Giấy phép môi trường số 222/GPMT-STNMT ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

Quy mô, công suất, loại hình sản xuất:

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm;
- Quy mô/công suất: khoảng 3200 tấn sản phẩm/ 1 năm;
- Tần suất hoạt động: thường xuyên.

Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

TT	Chủng loại	Dạng	Đơn vị	Mã CTNH (Nếu là chất thải nguy hại)	Khối lượng /ngày	Nguồn phát sinh
1	Nước thải	Lỏng	m ³		150	Sinh hoạt/ sản xuất
2	Rác thải sinh hoạt	Rắn	Kg		235	Sinh hoạt
3	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Rắn	Kg		56	Sản xuất
4	Bùn thải	Rắn	Kg		33	Sản xuất
5	Bao bì mềm	Rắn	Kg	180101	0	Sản xuất
6	Dầu động cơ	Lỏng	Kg	170203	0	Sản xuất
7	Dầu nhiên liệu	Lỏng	Kg	170601	0	Sản xuất
8	Hộp mực in thải	Rắn	Kg	080204	0	Sản xuất
9	Giẻ lau thải, vật liệu lọc, Chất hấp thụ	Rắn	Kg	180201	0,3	Sản xuất
10	Hóa chất thải	Rắn / lỏng	Kg	130102	7,5	Sản xuất
11	Pin, ắc quy thải	Rắn	Kg	160112	0	Sản xuất
12	Dược phẩm thải	Rắn / lỏng	Kg	130103	37	Sản xuất
13	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	Kg	160106	0	Sản xuất
14	Chất thải kim loại, vật liệu lọc bụi bằng kim loại	Rắn	Kg	110401	0	Sản xuất

Ghi chú: Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh có thể thay đổi tùy theo tình hình hoạt động sản xuất thực tế.

- Thông tin liên quan khác (nếu có).

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố môi trường; biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường

Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố môi trường; biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại **Phụ lục 1**

IV. Tổ chức ứng phó sự cố môi trường

4.1. Sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Người thực hiện	Hành động	Ghi chú
Người đầu tiên phát hiện sự cố	1. Sự cố môi trường: Tràn đổ cồn Ethanol trong quá trình sắp xếp tại kho lưu trữ ↓	
Chỉ huy hiện trường và đội ứng phó sự cố	2. Thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản. ↓ 3. Xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường ↓ 4. Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật. ↓ 5. Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động. ↓ 6. Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm. ↓ 7. Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố chất thải cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ sự cố chất thải. ↓ 8. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải báo cáo cấp trên trực tiếp để được hỗ trợ. ↓	
Phòng Hành Chánh Quản Trị	9. Báo cáo và lưu giữ hồ sơ, tài liệu	

4.2. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải

Bước 1. Thông báo, báo động, báo cáo phát hiện sự cố môi trường

Người đầu tiên phát hiện sự cố: Ngay lập tức thông báo cho Chỉ huy hiện trường bằng điện thoại hoặc gặp mặt trực tiếp và báo động khi xảy ra sự cố gồm âm thanh, còi báo động, điện thoại và/ hoặc hô to.

Nêu rõ tên sự cố và nguyên nhân xảy ra nếu có: hạng mục, công trình xảy ra sự cố như tràn đổ cồn Ethanol trong quá trình sắp xếp tại kho lưu trữ.

Bước 2. Chỉ huy hiện trường yêu cầu thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường như dừng hoạt động sản xuất của các hạng mục, công trình xảy ra sự cố.

Cảnh báo khu vực nguy hiểm, hạn chế người không có nhiệm vụ tiếp cận khu vực xảy ra sự cố và trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân (PPE) cho lực lượng tham gia xử lý.

Bước 3. Chỉ huy hiện trường xác định loại chất thải bị phát tán ra môi trường, ước tính số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị rò rỉ, tràn đổ hoặc phát tán, xác định đối tượng có nguy cơ bị ảnh hưởng để có biện pháp bảo vệ kịp thời.

Bước 4. Chỉ huy hiện trường đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.

Bước 5. Chỉ huy hiện trường yêu cầu các thành viên đội ứng phó sự cố môi trường thực hiện các biện pháp cô lập nguồn thải nhằm ngăn chặn lan rộng, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động.

Bước 6. Chỉ huy hiện trường yêu cầu các thành viên đội ứng phó sự cố môi trường thu hồi, thu gom, xử lý, khắc phục nguyên nhân gây ô nhiễm.

Bước 7. Chỉ huy hiện trường thông báo, cung cấp thông tin và hướng dẫn các biện pháp về môi trường cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ chất thải.

Bước 8. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, Chỉ huy hiện trường báo cáo cho các đơn vị hỗ trợ bên ngoài. Sau khi lực lượng hỗ trợ ứng phó sự cố của các cơ quan chức năng đến thì Chỉ huy hiện trường báo cáo tình hình diễn biến sự cố và trao quyền chỉ đạo cho lực lượng hỗ trợ bên ngoài.

Tùy thuộc vào mức độ tác động đến môi trường của từng sự cố, Công ty Pharmedic sẽ phối hợp với Đơn vị có chức năng để lập kế hoạch và thực hiện các hành động phục hồi môi trường, quan trắc môi trường sau sự cố, lập chi phí phục hồi môi trường.

Bước 9. Phòng Hành Chánh Quản Trị thực hiện báo cáo và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về sự cố môi trường theo quy định.

V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố môi trường

5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố môi trường của dự án đầu tư, cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra

Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố môi trường của dự án đầu tư, cơ sở tại **Phụ lục 2.1**

Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường tại **Phụ lục 2.2**

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố môi trường (liệt kê tên thiết bị, số lượng phương tiện ứng phó sự cố môi trường; kế hoạch đầu tư, mua sắm phương tiện ứng phó sự cố môi trường).

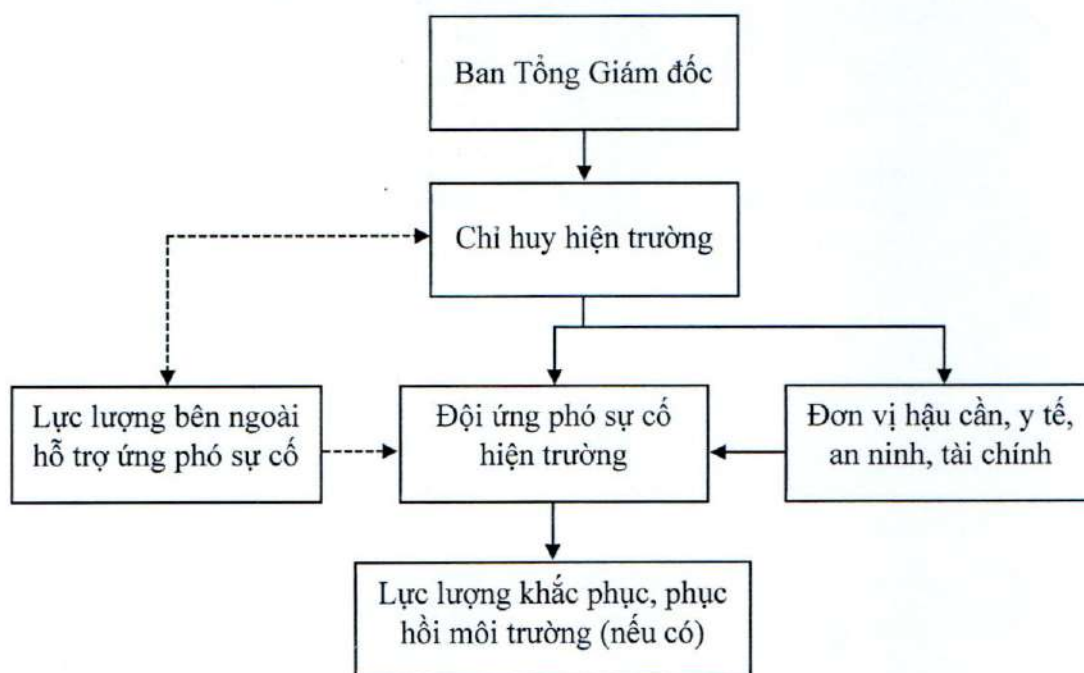
Phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại **Phụ lục 3.1**

Kế hoạch đầu tư, mua sắm phương tiện ứng phó sự cố môi trường **Phụ lục 3.2**

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận (cần mô tả cụ thể nhiệm vụ của từng bộ phận khi xảy ra sự cố như: Quan sát, thông báo, báo động; sơ tán người, tài sản; bảo đảm an ninh, trật tự; hậu cần, y tế...).

TT	Nhiệm vụ	Bộ phận chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Thông báo, báo cáo phát hiện sự cố môi trường.	Người đầu tiên phát hiện sự cố	
2	Dừng hoạt động sản xuất của các hạng mục, công trình xảy ra sự cố ngay lập tức	Phòng Cơ Điện, phòng KTCL, phòng HCQT	
3	Kiểm tra các hạng mục công trình trước, trong và sau bão	Phòng HCQT	
4	Thực hiện ứng phó sự cố chất thải	Chỉ huy hiện trường và thành viên đội ứng phó sự cố	
5	Phối hợp với Đơn vị có chức năng để thực hiện các giải pháp khắc phục, phục hồi môi trường (nếu có)	Phòng HCQT	
6	Đảm bảo an ninh trật tự khi có sự cố xảy ra	Phòng HCQT	
7	Các nhiệm vụ khác có liên quan hỗ trợ ứng phó sự cố như y tế, tài chính	Các bộ phận có liên quan	

5.4. Tổ chức chỉ huy (địa điểm, thành phần, nhiệm vụ...).



Sơ đồ tổ chức chỉ huy và ứng phó sự cố

Ghi chú: —————> Tổ chức chỉ huy và ứng phó sự cố bởi Công ty Pharmedic

- - - - -> Lực lượng hỗ trợ bên ngoài ứng phó sự cố tại Công ty Pharmedic

TT	Nhiệm vụ	Thành phần	Địa điểm	Ghi chú
1	Cung cấp nhân lực, phương tiện phòng ngừa và ứng phó sự cố. Chỉ đạo ứng phó sự cố.	Ban Tổng Giám đốc		
2	Huy động nguồn lực, phương tiện ứng phó sự cố. Đảm bảo an toàn cho các thành viên tham gia ứng phó sự cố.	Chỉ huy hiện trường	Hiện trường sự cố	
3	Thực hiện ứng phó sự cố môi trường theo hướng dẫn, chỉ đạo của Chỉ huy hiện trường.	Đội ứng phó sự cố	Hiện trường sự cố	
4	Hỗ trợ ứng phó sự cố và cứu nạn cứu hộ.	Lực lượng bên ngoài	Hiện trường sự cố	
5	Hỗ trợ các nhiệm vụ hậu cần cần thiết như an ninh, y tế, tài chính.	Các bộ phận liên quan	Công ty Pharmedic	
6	Thực hiện các giải pháp khắc phục, phục hồi môi trường (nếu có)	P. HCQT và Đơn vị có chức năng	Khu vực sự cố và vùng xung quanh	Sau khi sự cố được kiểm soát hoàn toàn

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở về ứng phó sự cố môi trường

Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố môi trường được thực hiện 1 lần/1 năm. Kế hoạch này có thể kết hợp vào diễn tập ứng phó sự cố cháy nổ, diễn tập ứng phó sự cố hoá chất và diễn tập ứng phó sự cố chất thải.

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được xây dựng

Công ty CP DPDL Pharmedic đã đầu tư và xây dựng công trình xử lý nước thải, hệ thống xử lý không khí, kho hóa chất, kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt. với quy mô đáp ứng được nhu cầu hoạt động sản xuất tại cơ sở. Với các phương tiện, thiết bị, công trình xử lý chất thải và lưu giữ hóa chất và chất thải đã được trang bị, các sự cố về môi trường có thể được phòng ngừa và giảm thiểu.

Công ty cũng đã trang bị các phương tiện ứng phó tràn đổ chất thải lỏng tại Kho lưu giữ chất thải nguy hại.

Công ty đã thành lập Đội ứng phó sự cố môi trường và sẽ tiếp tục tổ chức huấn luyện, đào tạo các kiến thức liên quan cho Đội ứng phó sự cố môi trường. Đồng thời phối hợp với các đơn vị, lực lượng bên ngoài tổ chức diễn tập ứng phó sự cố để nâng cao kỹ năng ứng phó cũng như nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, hóa chất, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho nhân viên.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, hoá chất, phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa các sự cố môi trường. Công ty cũng sẽ học hỏi và rút kinh nghiệm từ các bài học môi trường và chất thải đã xảy ra từ các công ty khác (nếu có).

6.3. Kiến nghị của cơ sở (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- UBND phường Đông Hưng Thuận
- Lưu Công ty Pharmedic

TỔNG GIÁM ĐỐC



DS. LÊ VIỆT HÙNG

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Phụ lục 1: Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố môi trường; biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường

Hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố	Nguy cơ	Nguyên nhân	Đối tượng có thể bị tác động			Phạm vi ảnh hưởng		Biện pháp phòng ngừa	Ghi chú
			Đất	Nước	Không khí	Bên trong công ty	Cộng đồng xung quanh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Khu vực trung chuyển và tuyến đường vận chuyển nội bộ	+ Rơi vãi, tràn đổ chất thải (rắn, lỏng, nguy hại) ra đường nội bộ và hệ thống thoát nước mưa.	+ Thao tác bốc xếp của nhân viên chưa cẩn thận gây đổ ngã thùng chứa. + Phương tiện vận chuyển nội bộ (xe đẩy, xe nâng) va chạm hoặc gặp sự cố kỹ thuật. + Bao bì, túi, thùng chứa bị rách, thùng trong quá trình di chuyển.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Sử dụng xe đẩy chắc chắn và thùng chứa có nắp đậy kín khi vận chuyển. + Quy định lộ trình vận chuyển cố định, tránh các giờ cao điểm. + Đào tạo an toàn cho nhân viên về quy trình thu gom và ứng phó nhanh tại chỗ và trang bị đầy đủ BHLĐ.	
Khu vực máy phát điện	+ Rò rỉ dầu DO, dầu bôi trơn. + Cháy nổ máy phát điện. + Phát sinh khí thải, khói bụi bất thường. + Phát tán dầu ra môi trường khi tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng.	+ Rò rỉ tại bình chứa nhiên liệu, đường ống hoặc các mối nối của máy phát điện. + Chập điện, quá tải điện hoặc hư hỏng thiết bị. + Tiếp nhiên liệu không đúng quy trình làm tràn đổ dầu. + Bảo dưỡng, sửa chữa không đúng kỹ thuật. + Không thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện định kỳ. + Kiểm tra tình trạng rò rỉ nhiên liệu trước và sau khi vận hành. + Tiếp nhiên liệu theo đúng quy trình, có dụng cụ chứa và vật liệu thấm hút sẵn sàng. + Trang bị bình chữa cháy và biển báo an toàn tại khu vực máy phát điện. + Thu gom dầu thải, giặt lau dính dầu và quản lý như chất thải nguy hại. + Đào tạo người vận hành về an toàn và ứng phó sự cố.	

Hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố	Nguy cơ	Nguyên nhân	Đối tượng có thể bị tác động			Phạm vi ảnh hưởng		Biện pháp phòng ngừa	Ghi chú
			Đất	Nước	Không khí	Bên trong công ty	Cộng đồng xung quanh		
Kho lưu giữ hóa chất, dung môi	+ Rơi vãi, tràn đổ hóa chất ra môi trường xung quanh trong quá trình vận chuyển, bảo quản không đúng quy định. + Sự cố cháy nổ hóa chất	+ Bao bì, thùng chứa, can chứa hóa chất bị nứt, vỡ, thùng hoặc xuống cấp trong quá trình lưu giữ. + Xe nâng, xe đẩy hoặc các phương tiện vận chuyển nội bộ gặp sự cố kỹ thuật hoặc va chạm trong quá trình di chuyển. + Hóa chất được xếp chồng không đúng quy cách, vượt tải trọng cho phép dẫn đến đổ ngã hoặc hư hỏng bao bì chứa. + Sự cố cháy nổ, va chạm hoặc tai nạn trong khu vực kho làm hư hỏng thiết bị chứa và gây tràn đổ hóa chất.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Hóa chất, dung môi được lưu giữ trong bao bì, thùng chứa chuyên dụng, có nhãn nhận diện đầy đủ và còn nguyên vẹn. + Thực hiện kiểm tra định kỳ tình trạng thùng chứa, kệ chứa, khu vực lưu giữ; thay thế ngay các bao bì, thiết bị có dấu hiệu hư hỏng, rò rỉ. + Bố trí kho hóa chất có nền chống thấm, gờ chắn hoặc khay thu gom chống tràn, đảm bảo thông thoáng và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. + Sắp xếp, lưu trữ hóa chất theo đúng quy định, không xếp chồng vượt tải trọng cho phép và tách riêng các hóa chất không tương thích. + Sử dụng xe nâng, xe đẩy phù hợp; thực hiện bốc xếp, vận chuyển theo đúng quy trình an toàn. + Đào tạo và huấn luyện định kỳ cho người lao động về an toàn hóa chất, quy trình vận chuyển, lưu giữ và ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất. + Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và bộ dụng cụ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất tại khu vực kho lưu trữ. + Thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện và thực hiện các biện pháp phòng ngừa cháy nổ theo quy định.	
Kho lưu giữ Chất thải rắn sinh hoạt	+ Phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cảnh quan công ty. + Phát sinh ruồi, muỗi, chuột,... gây mất vệ sinh công nghiệp.	+ Lượng chất thải rắn sinh hoạt nếu không thu gom và xử lý đúng quy định. + Chất thải rắn sinh hoạt không được thu gom kịp thời khi xảy ra ngã đổ. + Do thiên tai xảy ra như mưa, bão lớn.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Nền kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có mái che và có hố thu gom chất thải lỏng trong quá trình vệ sinh. + Trang bị thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy hạn chế mùi hôi và bánh xe để dễ di chuyển khi cần thiết. + Bố trí vị trí đặt thùng đựng chất thải hợp lý, tránh khu vực xe ra vào thường xuyên và gần lối đi công nhân để tránh va quệt, gây đổ ngã.	

Hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố	Nguy cơ	Nguyên nhân	Đối tượng có thể bị tác động			Phạm vi ảnh hưởng		Biện pháp phòng ngừa	Ghi chú
			Đất	Nước	Không khí	Bên trong công ty	Cộng đồng xung quanh		
	+ Gây ô nhiễm nguồn nước mưa chảy tràn. + Tràn đổ, phát tán chất thải ra khu vực xung quanh khi lưu giữ quá tải hoặc thiết bị lưu chứa hư hỏng.	+ Bục vỡ thiết bị chứa chất thải khi chuyển giao cho đơn vị xử lý.						+ Chất thải rắn sinh hoạt thu gom định kỳ tối thiểu 3 lần/tuần, không để tồn đọng trong thùng quá lâu, gây nguy cơ tràn đổ ra ngoài, gây mùi hôi.	
Kho lưu giữ Chất thải rắn công nghiệp thông thường	+ Ủn ứ trong kho chứa, dễ xảy ra sự cố cháy nổ. + Tràn đổ, rơi vãi chất thải ra môi trường.	+ Không được phân loại, thu gom, xử lý đúng quy định. + Bục vỡ thiết bị chứa chất thải trong quá trình lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị xử lý. + Do thiên tai xảy ra như mưa, bão lớn.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Nền kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có mái che và có hồ thu gom chất thải lỏng trong quá trình vệ sinh. + Phân loại và sắp xếp theo quy định trong kho lưu giữ tạm thời để đơn vị vào thu gom. + Tần suất thu gom duy trì ít nhất 3 lần/tuần. + Trang bị biển cảnh báo và bình chữa cháy tại khu vực kho lưu giữ tạm.	
Kho lưu giữ Chất thải nguy hại	+ Nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ. + Sự cố hóa chất, cháy nổ, phát sinh hơi hóa chất ảnh hưởng đến an toàn sức khỏe cho nhân viên làm việc.	+ Chất thải nguy hại có các thành phần dễ gây cháy như: giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất. + Các chất thải nguy hại là bao bì, thùng chứa bị dính bám hóa chất sản xuất khi xảy ra sự cố đổ. + Bục vỡ thiết bị chứa chất thải khi chuyển giao cho đơn vị xử lý.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	+ Tất cả chất thải nguy hại phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn. + Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại đúng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. + Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại. + Bố trí bộ dụng cụ ứng phó sự cố tràn đổ chất thải tại kho CTNH.	
Hệ thống đường ống thu gom nước	+ Nước thải sinh hoạt hoặc nước thải công nghiệp tràn ra ngoài môi	+ Lượng bùn các hố ga bị đầy làm bịt kín đường ống. + Đường ống bị nứt vỡ.	Thấp	Thấp	Không	Thấp	Không	+ Định kỳ kiểm tra lượng bùn tại các hố ga của hệ thống đường ống thu gom nước thải.	

Hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố	Nguy cơ	Nguyên nhân	Đối tượng có thể bị tác động			Phạm vi ảnh hưởng		Biện pháp phòng ngừa	Ghi chú
			Đất	Nước	Không khí	Bên trong công ty	Cộng đồng xung quanh		
thải sinh hoạt, nước thải sản xuất	trường đất hoặc vào hệ thống nước mưa.							+ Định kỳ liên hệ đơn vị có chức năng thu gom bùn thải tại các hố ga. + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đường ống bơm nước thải để kịp thời khắc phục rò rỉ, nứt vỡ đường ống. Trong trường hợp bị vỡ cần thay thế ngay lập tức, không để sự cố xảy ra dài ngày.	
Hệ thống xử lý nước thải	+ Sự cố về chất lượng nước sau xử lý không đạt quy chuẩn. + Sự cố làm tạm dừng hoạt động xử lý của HTXLNT.	+ Vận hành HTXL nước thải không đúng kỹ thuật. + Thiết bị, máy móc bị hư hỏng do thiếu bảo trì, bảo dưỡng.	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. - Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. - Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất. - Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý. - Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra và giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý để sớm phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.	
Hệ thống xử lý khí thải	Sự cố về chất lượng không khí sau xử lý không đạt quy chuẩn	+ Vận hành HTXL khí thải không đúng kỹ thuật. + Thiết bị, máy móc bị hư hỏng do thiếu bảo trì, bảo dưỡng.	Không	Không	Thấp	Thấp	Thấp	- Các hệ thống xử lý bụi và khí thải đã được đầu tư xây dựng. - Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý bụi và khí thải theo đúng thiết kế và hướng dẫn. - Bảo trì định kỳ hệ thống, thiết bị. - Phối hợp đơn vị có chức năng Quan trắc môi trường xung quanh định kỳ 6 tháng/1 lần - Khi có sự cố, ngừng ngay nguồn phát sinh khí thải để khắc phục	

**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Phụ lục 2.1: Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố môi trường

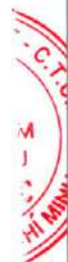
TT	Họ và tên	Bộ phận	Số điện thoại	Vị trí trí được phân công
1	Phan Thanh Sơn	P.HCQT	0937 072 982	Chỉ huy hiện trường
2	Thái Minh Thuận	P.HCQT		Ứng phó sự cố chung
3	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	P.HCQT		Hậu cần / Y tế
4	Trần Thiện Phụng	P.HCQT		
5	Lại Thị Thanh Phương	P.HCQT		Ứng phó sự cố về rác thải sinh hoạt
6	Nguyễn Thị Thanh Tâm	P.HCQT		
7	Trần Đức Tùng	P. CƠ ĐIỆN		Ứng phó sự cố về tràn đổ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp
8	Hồ Anh Khoa	P. CƠ ĐIỆN		
9	Nguyễn Minh Huy	P. CƠ ĐIỆN		
10	Võ Phạm Hoàng Vương	P. CƠ ĐIỆN		
11	Nguyễn Thúc Vũ	P. CƠ ĐIỆN		Ứng phó sự cố về tràn đổ chất thải nguy hại
12	Nguyễn Đặng Tâm Nguyên	P.KTCL		
13	Lưu Hoàng Long	P.KTCL		
14	Nguyễn Phước Duy	P.KTCL		
15	Nguyễn Cường Quốc	P.KTCL		

9303,
G TY
HÂN
PHÂN
C LIỆU
MEDIC
HỒ C

**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Phụ lục 2.2: Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Số điện thoại	Ghi chú
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	028 3829 3653	
2	Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh	028 3829 6322	
3	UBND phường Đông Hưng Thuận	028 3715 0422	
4	Công an phường Đông Hưng Thuận	028 3719 0235	
5	Đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Khu vực	114	



**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Phu lục 3.1: Phương tiện ứng phó sự cố môi trường

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Công dụng	Ghi chú
1	Thùng chứa chất thải chuyên dụng (có nắp đậy, kín)	5 Cái	Thu gom, tạm lưu trữ chất thải	
2	Dụng cụ hút, xúc: xẻng, chổi, ky hút,...	4 Bộ	Thu gom chất thải rắn	
3	Xe nâng vận chuyển	02 Xe	Vận chuyển bao tải, thùng chứa về kho lưu trữ tạm	
4	Bình chữa cháy	30 Bình	Ứng phó sự cố cháy nổ	Bình dự phòng trong tình trạng sẵn sàng
5	Cát khô	60 Kg	Ứng phó sự cố đối với chất thải dạng lỏng	
6	Máy bơm di động	1 Cái	Ứng phó sự cố nước thải rò rỉ, tràn ra ngoài	Bơm chìm
7	Xe chuyên dụng vận chuyển chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	1 Xe	Vận chuyển chất thải đem đi xử lý	Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý
8	Bao PE, PP	40 Cái	Thu gom, chứa chất thải rắn, bùn, vật liệu nhiễm bẩn	
9	Dây cảnh báo, cọc tiêu, biển cảnh báo	2 Bộ	Khoanh vùng, cô lập khu vực xảy ra sự cố, cấm người không phận sự ra/vào	
10	Thùng phuy, bồn chứa di động	3 Cái	Tạm lưu trữ chất lỏng, hóa chất bị sự cố	
11	Máy hút bụi	1 Cái	Thu gom bụi khi xảy ra sự cố	
13	Bộ dụng cụ ứng phó sự cố thu gom, chống tràn đổ chất thải dạng lỏng	1 Bộ	Ứng phó sự cố tràn đổ chất thải dạng lỏng	
14	Còi, chuông, keng báo động	1 Hệ thống	Báo động khi xảy ra sự cố	Toàn nhà máy
15	Túi sơ cấp cứu	2 Túi	Sơ cứu ban đầu cho người bị nạn	
16	Máy phát điện dự phòng	4 Cái	Cung cấp nguồn điện cho thiết bị nhằm đảm bảo ứng phó sự cố khi mất điện	

17	Bộ bảo hộ chống hóa chất (PPE): quần áo chống hóa chất, gang tay chống hóa chất, kính bảo hộ, ủng cao su		Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	
18	Vật liệu thấm hút chuyên dụng		Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	
19	Mặt nạ phòng độc hơi dung môi		Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Phụ lục 4: Mô tả chi tiết các Công trình lưu trữ chất thải

❖ Kho chất thải nguy hại

Hiện nay, Công ty đã thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT khi lưu chứa và xây dựng nhà kho chất thải nguy hại. Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

Đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại đúng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Kho chứa CTNH có diện tích 7 m² (kích thước: 2m8 x 2m2 x 1m6 với sức chứa 1.000 kg), kết cấu nhà kho chứa CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của BTNMT về quản lý CTNH. Kho chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có phân loại, dán nhãn, có biển báo và mã của từng loại chất thải nguy hại theo quy định, dán biển cảnh báo ngoài kho,....

Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng với Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH đúng quy định.

❖ Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường

Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 9 m², kết cấu tường bao BTCT, khung BTCT, móng cọc, nền đồ BTCT, mái tole. Kích thước: 1m8 x 5m, sức chứa 400kg.

Kho lưu giữ bùn thải công nghiệp thông thường có diện tích 6,2 m², kết cấu tường bao BTCT, khung BTCT, móng cọc, nền đồ BTCT, mái tole. Kích thước: 2m8 x 2m2, sức chứa 4.500kg.

Cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV kinh doanh dịch vụ thu gom chất thải rắn Nhân Phát và Công ty TNHH XD-TM-DV Việt Xanh QN để thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo quy định hiện hành.

❖ Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở bố trí 4 thùng chứa rác sinh hoạt 120L để tập kết rác sinh hoạt của cán bộ công nhân viên để đưa về khu vực lưu chứa Chất thải rắn sinh hoạt. Các thùng chứa đều

3004
CÔNG
CÔ
DƯỢC
DƯỢC
PH
H PH

được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị ảnh hưởng bởi nước mưa.

Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 7 m^2 , xây dựng nền gạch có rãnh thu gom nước rỉ rác, mái tôn, vách tôn, kích thước $2\text{m}8 \times 2\text{m}5$. Sức chứa 300 kg.

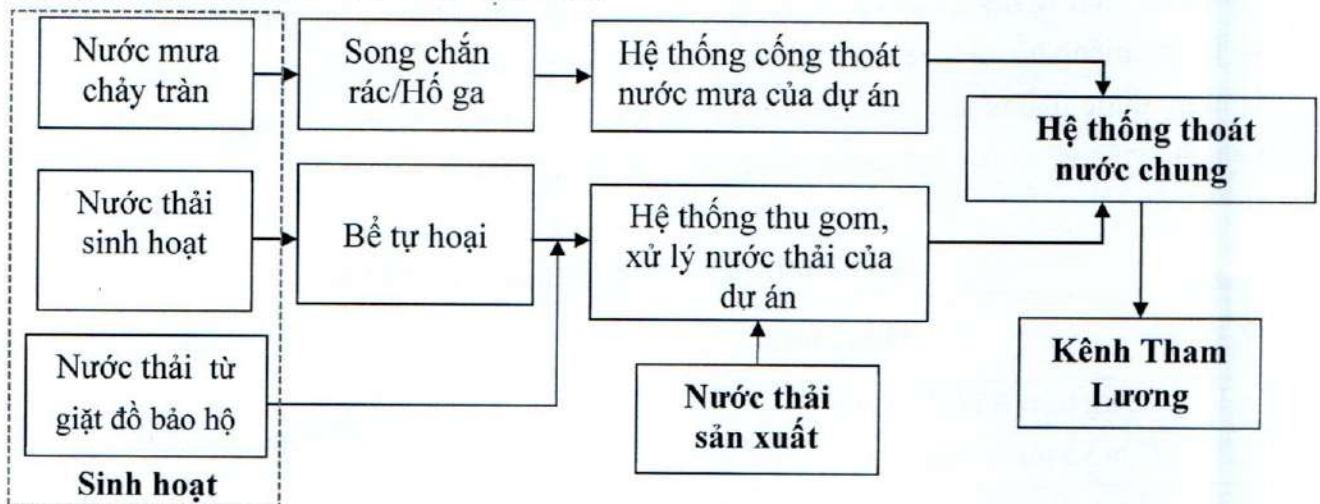
Hiện nay cơ sở đã ký hợp đồng Công ty TNHH MTV kinh doanh dịch vụ thu gom chất thải rắn Nhân Phát để thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt theo quy định.

KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Phụ lục 5: Mô tả chi tiết hệ thống Thu gom và Xử lý nước thải

Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Mạng lưới tuyến thu gom và thoát nước tại Cơ sở đã được đầu tư xây dựng đúng với tiến độ đầu tư của Cơ sở phục vụ cho giai đoạn hoạt động ổn định, tuân thủ đúng quy định bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, xử lý nước thải được xây dựng riêng biệt được mô tả cụ thể như sau:



Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa và nước thải của Cơ sở

1. Thu gom, thoát nước mưa:



Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa tại Cơ sở

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên mặt bằng cơ sở được lắp đặt

bằng ống cống bê tông D400 hệ thống xây chìm có tổng chiều dài là 570 m được kết nối với hệ thống hố ga bằng BTCT và thu gom về hệ thống thoát nước chung sau đó chảy ra Kênh Tham Lương.

Trên tuyến cống thoát nước mưa có bố trí các hố ga (có 60 cái hố ga, kích thước hố (1,2m x 1,0m x 1,0m), được chế tạo bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 300, khoảng cách trung bình của các hố ga là từ 3m đến 15m, các hố ga hở với song chắn rác và hố ga hàm ếch để thuận tiện cho việc vệ sinh, khai thông đường ống tránh ngập úng.

Hệ thống xây chìm, nắp hố ga kín bằng bê tông cốt thép, nắp hố ga hở tại vị trí thường xuyên nạo vét bùn, cát bằng tấm thép gia công dạng tấm Grating được nhúng kẽm chống ăn mòn và dạng nắp dẹt bằng thép đen có cửa mở. Trên tuyến cống thoát nước mưa có bố trí miệng hố ga trực tiếp thu nước hở với song chắn rác dạng tấm thép gia công kiểu Grating được nhúng kẽm chống ăn mòn và hố ga hàm ếch (tự tràn và ngăn mùi để thuận tiện cho việc vệ sinh, khai thông đường ống tránh ngập úng.

Danh mục hệ thống cống thoát nước mưa

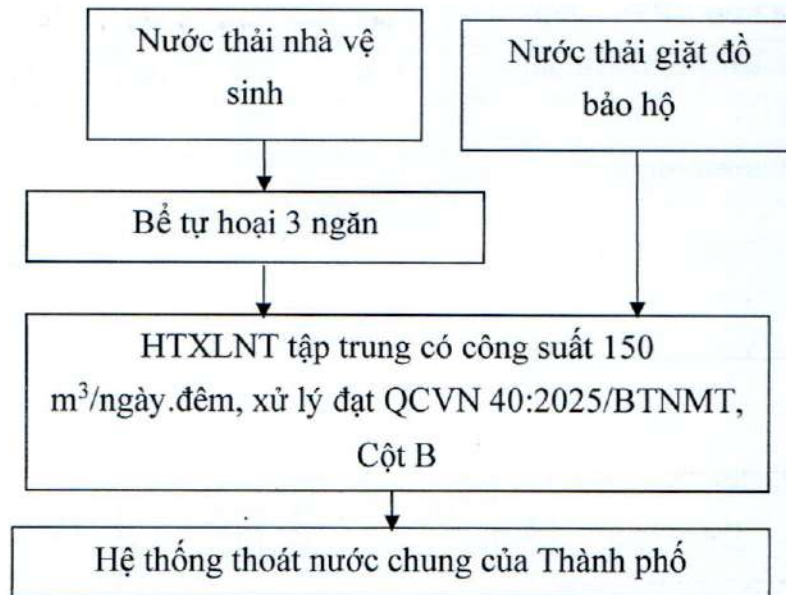
STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cống tròn BTCT D400	m	570
2	Cửa xả nước mưa	cái	1
3	Hố ga BTCT	cái	60

2. Thu gom, thoát nước thải:

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom và qua các bể tự hoại có tổng thể tích 166 m³, nước thải giặt đồ bảo hộ (không được xử lý sơ bộ), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa UPVC, đường kính D114 mm với tổng chiều dài 120m.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 596.110; Y(m): 1.198.280



Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở

❖ Nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất được thu gom về HTXL nước thải bằng hệ thống đường ống nhựa UPVC, đường kính D200mm với tổng chiều dài 192m và D60 với tổng chiều dài 40m độ dốc 0,1% bố trí dọc theo các tuyến đường và các khu có phát sinh nước thải. Hệ thống được thiết kế theo cơ chế tự chảy (có trang bị dự phòng bơm cưỡng bức) đưa nước thải về khu XLNT 150 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$ trước khi thải ra Hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Kênh Tham Lương (riêng hệ thống RO và hệ thống lọc có đường ống thu gom nước thải 25m bằng ống uPVC đường kính D60 mm và D49mm nối trực tiếp vào đường ống thu gom nước thải sản xuất của PXMP, PXDN, PXVB về hệ thống xử lý nước thải).

Phương thức xả thải: tự chảy, nước sau khi xử lý sẽ theo hệ thống ống dẫn nước thải xả vào nguồn tiếp nhận là Hệ thống thoát nước chung của Thành phố, sau đó xả ra Kênh Tham Lương.

Khoảng cách từ Công ty đến vị trí xả thải là 350m.

Tọa độ vị trí cửa xả nước thải: X(m): 596.110; Y(m): 1.198.280

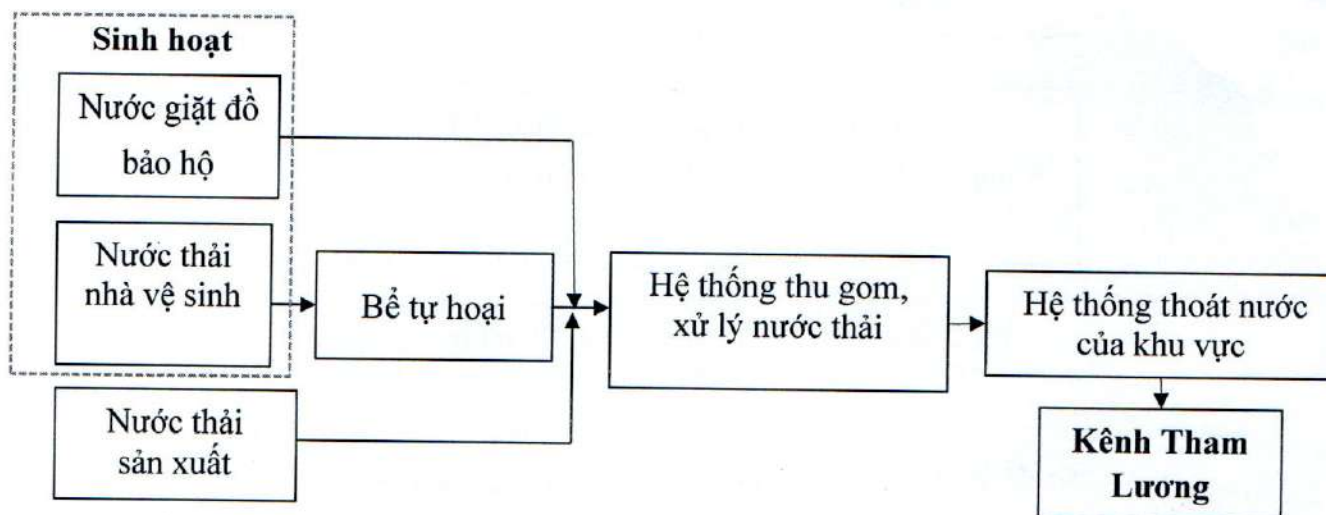
(Đính kèm chi tiết bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước thải tại phụ lục)

Danh mục hệ thống công thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ống nhựa tròn UPVC D200	m	192

2	Ống nhựa tròn UPVC D60	m	40
3	Ống nhựa UPVC, D114 mm	m	120
4	Hố ga BTCT	cái	23

3. Xử lý nước thải:



Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình vệ sinh của công nhân viên sau khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm. Đặc tính của nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của con người là có chứa nhiều rác thô, dầu mỡ, nhũ tương, huyền phù, các chất ô nhiễm vô cơ và hữu cơ ở dạng hòa tan, hạt keo, lơ lửng. Ngoài ra nước thải còn chứa một lượng lớn các vi sinh vật gây bệnh thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước nếu không được xử lý.

Nguyên lý hoạt động của Bể tự hoại:

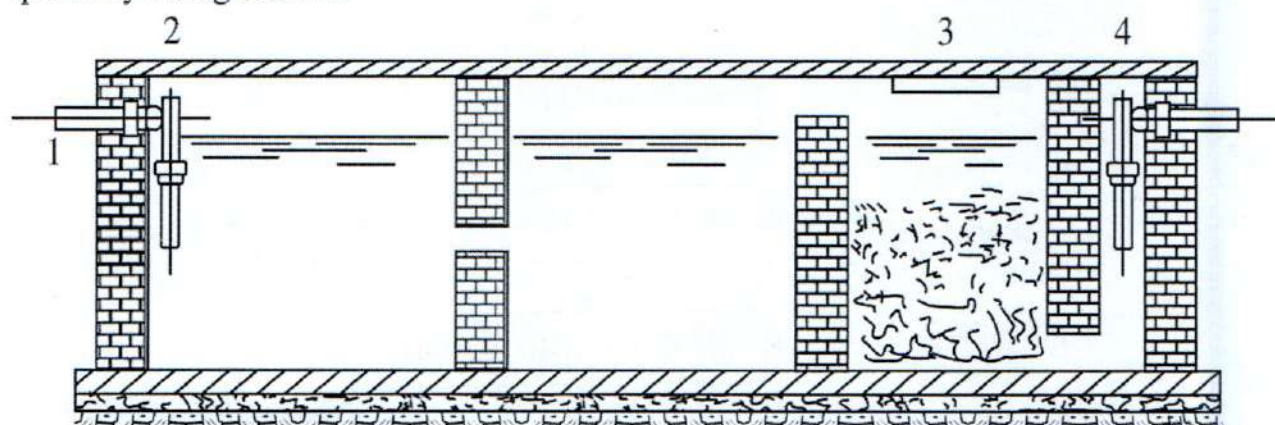
Bố trí 08 bể tự hoại, kích thước 8 x 2 x 1,3m

Vị trí các bể tự hoại: 02 bể ở nhà vệ sinh phía sau khu vực bảo vệ, 02 bể ở nhà vệ sinh bên ngoài khu vực phân xưởng viên bột và 04 bể ở nhà vệ sinh khu vực cạnh khu vực Phòng Kiểm tra chất lượng.

Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men acid, các

chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S ,... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được dẫn vào hệ thống thoát nước khu vực. Ngoài ra, lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.



1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn);

4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

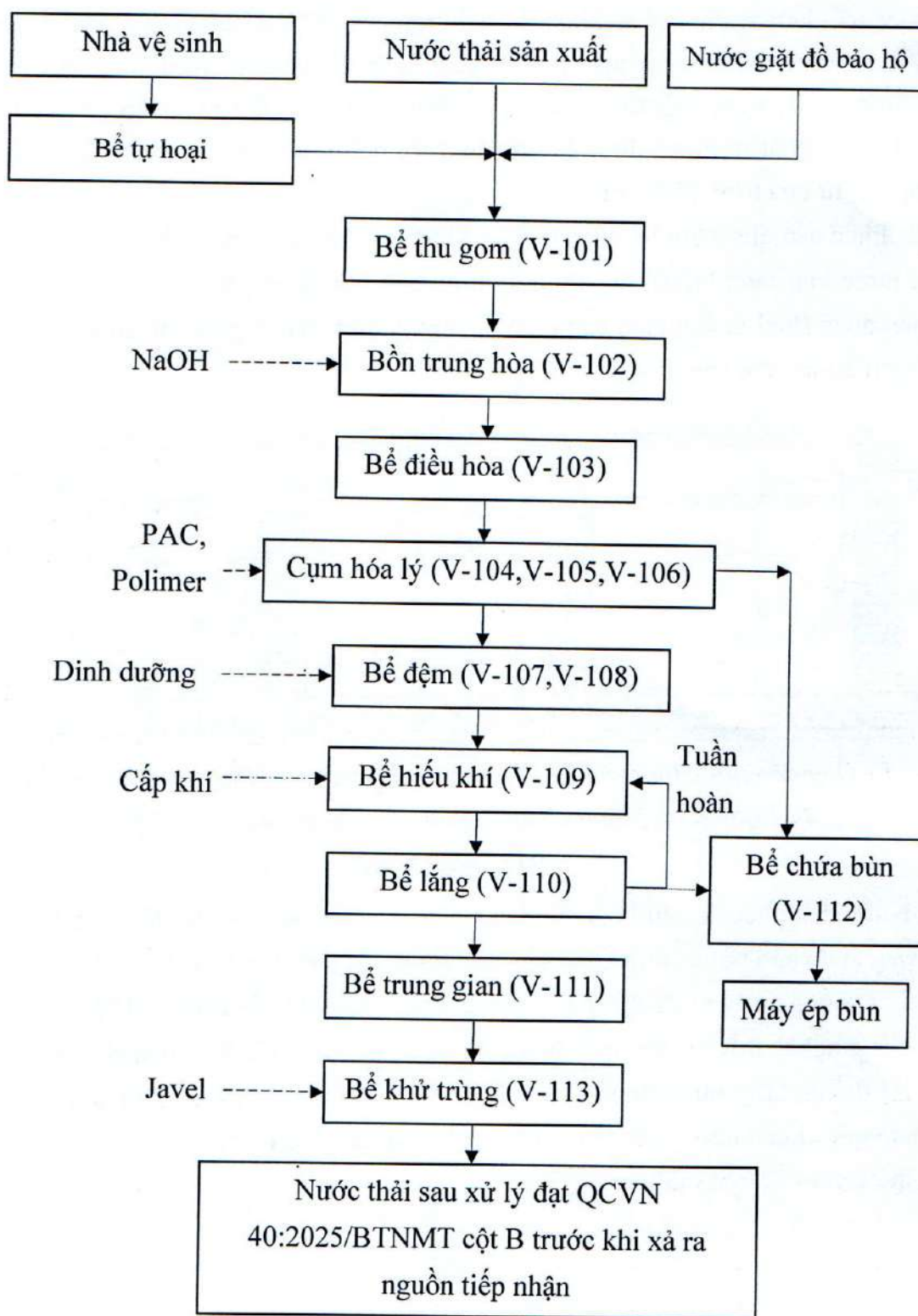
Bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh và giặt đồ bảo hộ) và nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, với lưu lượng tối đa khoảng $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Công nghệ xử lý tại nhà máy bao gồm hệ thống xử lý Cơ học, hoá lý, sinh học.

Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế phù hợp với điều kiện thực tế của nhà máy, đảm bảo quy chuẩn nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B – Quy. chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ nhà máy gồm các nguồn sau:

- Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại; nước giặt đồ bảo hộ không xử lý sơ bộ mà dẫn về hệ thống xử lý nước thải).

(Đặc tính của nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày là có chứa nhiều rác thô, dầu mỡ, nhũ tương, huyền phù, các chất ô nhiễm vô cơ và hữu cơ ở dạng hòa tan, hạt keo, lơ lửng. Đối với nước giặt đồ bảo hộ: có chất giặt tẩy, tổng chất rắn và hàm lượng chất hữu cơ khó hòa tan cao, các chất hoạt động bề mặt).

- Nước thải sản xuất.

Tổng lưu lượng nước thải tối đa khoảng 150 m³/ngày đêm từ các nguồn khác nhau: nước thải từ việc vệ sinh máy móc, thiết bị và vệ sinh chai lọ (vệ sinh, rửa lần 1); nước thải từ công đoạn rửa vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm; nước thải từ công đoạn rửa vệ sinh máy móc, thiết bị và tráng chai lọ (vệ sinh, rửa lần 2); nước thải rửa Lọc RO (rửa ngược); nước từ việc vệ sinh nhà rác, thùng rác theo hệ thống thoát nước được dẫn về Bể thu gom đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

(Đặc tính nước thải sản xuất: độ đục, các chất ô nhiễm không tan như các chất có thể lắng được, chất rắn lơ lửng và các chất nổi như dầu, mỡ; các chất hữu cơ (đặc trưng qua thông số BOD, COD) và các kim loại nặng như thủy ngân, đồng, chì, kẽm, cadimi...), trong đó: quá trình tái sinh, hoàn nguyên hạt nhựa, rửa màng RO, rửa vật liệu lọc định kỳ của của hệ thống RO và hệ thống lọc được theo đường ống dẫn xuống HTXL nước thải.

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên công ty qua Song chắn rác trước khi tập trung vào bể tiếp nhận V-101 (Bể thu gom). Sau đó, nước thải được bơm P-101A/B bơm lên Bồn trung hòa V-102 để điều chỉnh pH chuẩn bị cho các công đoạn xử lý tiếp theo.

Nước thải phát sinh từ công ty có pH nằm trong khoảng 5,5-6,0. Nhằm tạo điều kiện tối ưu cho quá trình keo tụ-tạo bông, NaOH sẽ cho vào Bồn trung hòa để hòa trộn cùng với nước thải. Nước thải sau trung hòa chảy sang Bể điều hòa V-103 để tiến hành quá trình xử lý hóa lý. Nước thải từ Bể điều hòa V-103 chảy sang Bể Keo Tụ V-104A/B/C. Tại bể keo tụ, dung dịch PAC được bơm định lượng bơm vào bể với lưu lượng phù hợp nhằm thực hiện quá trình keo tụ. Quá trình tụ làm mất ổn định của hệ keo tụ làm cho các chất ô nhiễm giảm điện thế zeta và kết hợp lại với nhau thành cặn nhỏ. Để tách các cặn nhỏ sinh ra ở quá trình keo tụ dễ dàng hơn, nước thải được dẫn qua Bể Tạo Bông V-105A/B/C để châm thêm dung dịch Polymer nhằm tăng cường khả năng kết bông tạo thành những bông cặn lớn dễ lắng (Các bể keo tụ tạo bông 1,2,3 được lắp đặt song song).

030
CÔ
CỔ
DỰ
DỰ
PHAI
Y PHC

Sau khi các bông cặn hình thành, nước thải chảy vào Bể lắng Lamella A/B/C (bể lắng hóa lý V-106A/B/C). Trong bể có bố trí tấm lắng nhằm giảm thời gian lắng và tạo điều kiện tối ưu cho quá trình lắng trọng lực.

Nước sau lắng theo hệ thống thu nước chảy qua lần lượt hai Bể Trung hòa V-107 và V-108 nhằm ổn định pH và nồng độ trước khi vào bể Vi sinh. Tại đây cũng là nơi châm dinh dưỡng cho Vi sinh (Ure, Mật rỉ, DAP), nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho vi sinh phát triển.

Nước từ Bể Trung hòa V-108 sẽ chảy qua bể Vi Sinh MBBR (V-109) để xử lý sinh học. Bùn sinh ra định kỳ được xả bỏ về bể chứa bùn V-112.

Trong bể MBBR dưới sự cung cấp oxy không khí từ hệ thống máy thổi khí AP-302A/B, các vi sinh hiếu khí sẽ sinh trưởng và phát triển sinh khối nhờ vào quá trình tiêu thụ các chất hữu cơ ô nhiễm. Bể có bố trí giá thể để vi sinh sinh trưởng và phát triển, làm tăng nồng độ sinh khối, từ đó nâng cao hiệu quả xử lý. Sau xử lý sinh học hỗn hợp bùn sinh học và nước đã xử lý tiếp tục chảy sang bể lắng II (bể lắng sinh học V-110). Tại đây, bùn sinh học sẽ được lắng lại, còn nước tiếp tục chảy qua hệ thống ống thu nước sang bể trung gian. Phần bùn tại bể lắng sẽ được chia thành hai dòng như sau:

- Dòng tuần hoàn trở lại bể sinh học MBBR (V-109) để duy trì nồng độ sinh khối giúp quá trình khử BOD đạt hiệu quả cao.

- Dòng bùn dư được bơm về Bể chứa bùn V-112 để tiếp tục xử lý.

Bùn từ Bể chứa bùn được chuyển qua máy ép bùn, định kỳ thu gom đem đi xử lý (6 tháng/lần).

Nước sau lắng chảy sang bể trung gian V-111 và được bơm P-111 bơm sang cột lọc thô V-113 để loại bỏ hoàn toàn cặn lơ lửng không lắng trọng lực và các chất hữu cơ còn lại trong nước sau xử lý.

Sau khi qua lọc, trong nước vẫn còn tồn tại một số vi sinh, mầm bệnh gây hại. Do đó, nước cần được khử trùng bằng dung dịch NaOCl (Javel) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải loại B theo *QCVN 40:2011/BTNMT* **Hạng mục và máy móc thiết bị của HTXLNT** (dự án đã được cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 722/GP-STNMT-TNNKS ngày 24/8/2020):

Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

Các công trình bể					Cải tạo HTXL	Ghi chú
Ký hiệu	Hạng mục	Số lượng	Kích thước (L x W x H)m	Vật liệu	NT năm 2019 so với Đề án được cấp	
-	Bể tự hoại	05	2 x 2,2 x 1,5	BTCT	Không thay đổi	
-	Song chắn rác	01	0,6x0,4x 0,8	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn Thiết bị thiết bị chắn rác khe lỗ 5 mm
B01	Bể thu gom	01	2,5 x 2 x 2	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Thu gom nước thải Thời gian lưu nước: 2 giờ
B02	Bể điều hòa	01	4,2 x 2 x 3	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải. Thời gian lưu nước: 5 giờ
B03	Bể keo tụ 1	01	0,6 x 0,6 x 1,3	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Kết tủa chất ô nhiễm thành dạng cặn, thời gian lưu nước 0,285 giờ.
	Bể keo tụ 2	01	1 x 1 x 1	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Kết tủa chất ô nhiễm thành dạng cặn, thời gian lưu t = 1,2 giờ.
	Bể keo tụ 3	01	0,5 x 0,5 x 0,8	Inox 304	Mới	Chức năng: Kết tủa chất ô nhiễm thành dạng cặn, thời gian lưu t = 1,2 giờ.

483
NG T
PHÁ
C PH
C L
ME
HỒ

B04	Bể tạo bông 1	01	0,6 x 0,6 x 1,3	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Liên kết bông cặn nhỏ thành bông cặn lớn, thời gian lưu nước $t = 0,285$ giờ.
	Bể tạo bông 2	01	2 bồn 500L	PVC	Không thay đổi	Chức năng: Liên kết bông cặn nhỏ thành bông cặn lớn, thời gian lưu nước $t = 0,12$ giờ.
	Bể tạo bông 3	01	0,5 x 0,5 x 0,8	BTCT	Mới	Chức năng: Liên kết bông cặn nhỏ thành bông cặn lớn, thời gian lưu nước $t = 0,12$ giờ.
B05	Bể lắng lamella 1	01	1,4 x 1,2 x 1,8	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Lắng bùn hóa lý ra khỏi nước thải, thời gian lưu nước: $t = 1,8$ giờ.
	Bể lắng lamella 2	01	2 x 0,8 x 1,5	Inox 304	Không thay đổi	Chức năng: Lắng bùn hóa lý ra khỏi nước thải, thời gian lưu nước: $t = 1,4$ giờ.
	Bể lắng lamella 3	01	2 x 1 x 1,7	Inox 304	Mới	Chức năng: Lắng bùn hóa lý ra khỏi nước thải, thời gian lưu nước: $t = 2,1$ giờ.
B06	Bể trung hòa (đệm)	02	0,9 x 0,9 x 3	BTCT	Không thay đổi	Thời gian lưu nước $t = 1,5$ giờ.
B07	Bể sinh học	01	4,2 x 3,2 x 4	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải, thời gian lưu nước $t = 10,8$ giờ.

B08	Bể lắng sinh học	01	3,4 x 2 x 2,1	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Tách các bông cặn ra khỏi nước thải, thời gian lưu nước $t = 2,85$ giờ.
B09	Bể trung gian	01	1,6 x 1 x 1,2	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Chứa nước sau xử lý sinh học, thời gian lưu nước $t = 0,38$ giờ.
B10	Bể khử trùng	01	1,6 x 1 x 1,2	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Diệt vi sinh trong nước, thời gian lưu nước 0,384 giờ.
B11	Bể chứa bùn	01	3,4 x 2 x 2,5	BTCT	Không thay đổi	Chức năng: Chứa bùn hóa lý và sinh học, thời gian lưu 47 giờ.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic)

Ghi chú:

HTXL nước thải nằm ở khu vực cuối của công ty, phía sau nhà ăn

Trong năm 2016, Công ty đã nâng công suất sản xuất một số loại thuốc, trong đó có thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ mũi nên nhu cầu sử dụng nước tăng khoảng $30 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường, Công ty đã cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (sử dụng công nghệ hóa lý) lên $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh); Có kết quả kiểm tra số 235/CCBVMT-KSON ngày 22 tháng 02 năm 2017.

Tháng 12 năm 2019, sau khi được khảo sát bởi đơn vị tư vấn, để đảm bảo công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ cũ HTXLNT, Công ty được tư vấn cải tạo nâng cấp thêm 1 cụm hóa lý bổ sung thêm các bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng.

Danh mục vật tư thiết bị cho HTXL nước thải công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$

STT	Ký hiệu	Tên và đặc tính kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Vị trí/ mục đích
1	P01-A/B	Bơm chìm, 1HP	02	Bộ	Bể thu gom
2	SCR	Song chắn rác, Inox 304: $06 \times 0,4 \times 0,8 \text{ m}$	01	Bộ	Bể thu gom

3	LS	Phao báo mực nước	03	Bộ	Bể điều hòa, Bể thu gom, Bể trung gian
4	T01	Bồn trung hòa, V=500 lít	01	Bộ	Bồn trung hòa
5	M102	Motor khuấy, 3m ³ /h, 0,37kW	01	Bộ	Bồn trung hòa
6	P103	Bơm nhúng chìm, 100-600L/phút	01	Bộ	Bể điều hòa
7	P104	0,1m ³ /phút	01	Bộ	Bể điều hòa
8	M104A	Motor khuấy, 1Hp	01	Bộ	Bể keo tụ V-104A
9	M104B	Motor khuấy, 0,5Hp	01	Bộ	Bể keo tụ V-104C
10	M104C	Motor khuấy, 0,5Hp	01	Bộ	Bể keo tụ V-104B
11	M105A	Motor khuấy, 1Hp	01	Bộ	Bể tạo bông V-105A
12	M105B	Motor khuấy, 0,5Hp	01	Bộ	Bể tạo bông V-105B
13	M105C	Motor khuấy, 0,5Hp	01	Bộ	Bể tạo bông V-105C
14	V-107,108	Motor khuấy, 1Hp	02	Bộ	Bể trung hòa
15	AB101/AB	Máy thổi khí, 2,08 m ³ /phút, 2,2kW	03	Bộ	Bể sinh học
16	P110-A/B	Bơm tuần hoàn bùn 0,1 m ³ /phút	02	Bộ	Bể lắng sinh học
17	P110	Bơm lọc, 10m ³ /h	01	Bộ	Bồn lọc
18	-	Bơm chìm trung chuyển 36m ³ /h	01	Bộ	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic)

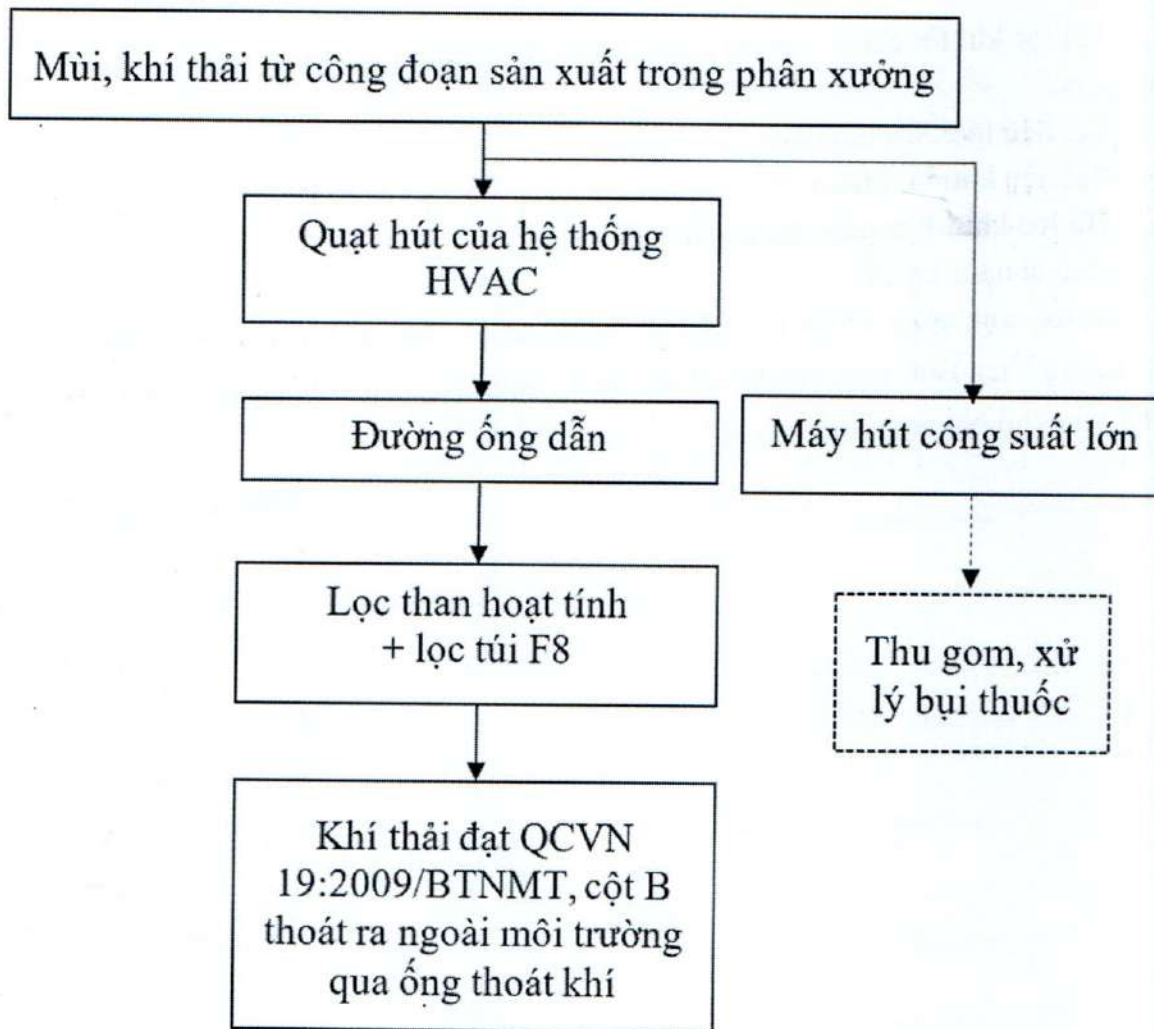
**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Phụ lục 6: Mô tả chi tiết hệ thống xử lý bụi, khí thải

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1. Thông gió và lọc bụi cho khu vực sản xuất (hệ thống HVAC).

Sơ đồ hệ thống xử lý mùi, khí thải từ các công đoạn sản xuất trong phân xưởng



Sơ đồ hệ thống xử lý mùi, khí thải từ các công đoạn sản xuất trong phân xưởng

Thuyết minh hệ thống:

Bụi thuốc do quá trình sản xuất được thu gom phần lớn bằng máy hút công suất lớn tại thời điểm pha chế, phần còn lại được thu gom tại miệng gió thải, qua 2 lớp lọc thô và 1

lớp lọc túi F8. Phần bụi thuốc sau khi thu gom sẽ được tập kết và xử lý dưới dạng CTNH. Đảm bảo không để bụi thuốc thải ra môi trường.

Hơi thuốc và mùi thuốc do quá trình sản xuất được thu gom vào hệ thống HVAC, đi qua lọc thô và lọc than hoạt tính để khử mùi.

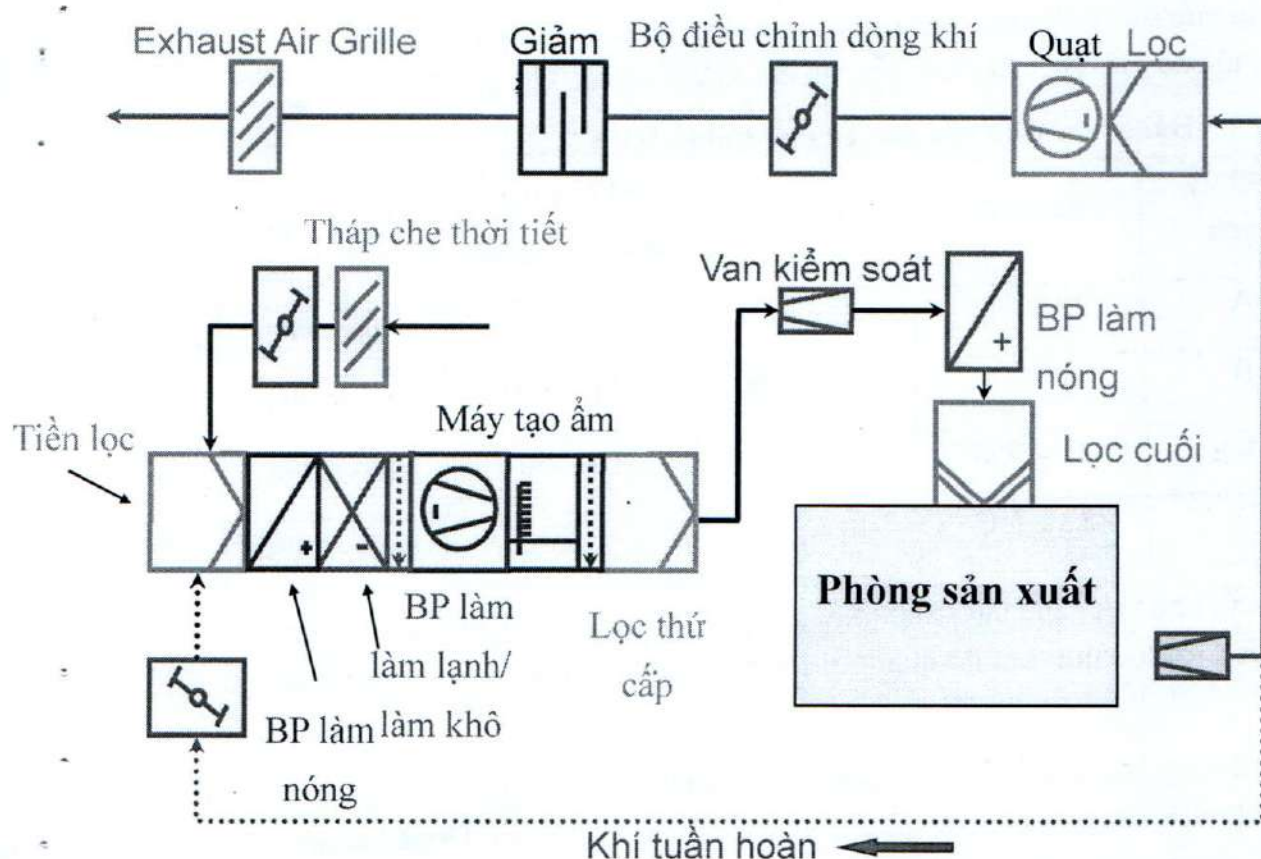
Khí thải trở thành khí sạch với môi trường ngoài, thoát ra ngoài môi trường qua đường ống thoát khí của thiết bị.

Thông số kỹ thuật HTXL

- Túi lọc khí F8 chuyên dùng lọc khí sạch, lọc trung gian trong hệ thống lọc khí phòng sạch.
- Vật liệu lọc: Sợi tổng hợp
- Vật liệu khung: nhôm
- Túi lọc khí F8 có cấp độ lọc cao: 90 - 95%
- Tiêu chuẩn: En 779

Hạng mục công trình HVAC: 05 hệ thống HVAC tại Phân Xưởng Dầu Nước và Phân Xưởng Viên Bột, Khu vực thuốc nhỏ mắt – mũi, Khu vực Phòng Kiểm tra chất lượng và Khu vực kho Nguyên liệu bao bì:

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý:



Sơ đồ hệ thống thông gió và lọc bụi cho khu vực sản xuất (HVAC).

*Thuyết minh hệ thống:

Không khí từ bên ngoài sẽ được dẫn qua hệ thống lưới lọc bụi, sau khi được làm sạch bụi không khí sẽ đi qua coil lạnh, tại coil lạnh không khí sẽ được tách ẩm và làm giảm nhiệt độ của dòng không khí.

Sau khi dòng khí được tách ẩm nhiệt độ sẽ xuống dưới mức yêu cầu của khu vực sản xuất, khi qua coil nóng nhiệt độ sẽ được tăng lên phù hợp với yêu cầu về nhiệt độ trong khu vực sản xuất.

Dòng khí sau khi qua coil nóng sẽ được một quạt đẩy vào hệ thống thông gió HVAC, biến tần của quạt sẽ được điều khiển để điều chỉnh các thông số của dòng khí như: lưu lượng gió, tốc độ gió.

Dòng khí tiếp tục được đi qua lưới lọc với kích thước lưới nhỏ để loại bỏ lượng bụi còn tồn tại trong không khí.

Từ ống cấp khí chính không khí sẽ được cấp vào các khu vực sản xuất. Do yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm của từng khu vực sản xuất khác nhau nên trên các ống nhánh cấp khí vào các khu vực sản xuất khác nhau sẽ có một thiết bị điều chỉnh lại các thông số về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, áp suất theo yêu cầu của GMP về các khu vực sạch.

Bảng 3.6. Các yêu cầu của hệ thống HVAC cho các cấp độ sạch

Cấp độ sạch	Nhiệt độ	Độ ẩm	Số lần trao đổi không khí	Chênh áp
A	$22 \pm 4^{\circ}\text{C}$	$40 \pm 10\%$	240 – 500	10 -15 Pa
B	$22 \pm 4^{\circ}\text{C}$	$40 \pm 15\%$	30 – 90	10 -15 Pa
C	$22 \pm 4^{\circ}\text{C}$	$40 \pm 15\%$	20 – 50	10 -15 Pa
D	$22 \pm 5^{\circ}\text{C}$	$40 \pm 15\%$	≥ 20	10 -15 Pa

Tại mỗi khu vực sản xuất sẽ bố trí các miệng hút khí, không khí từ khu vực sản xuất sẽ đi qua các lưới lọc thô, sau đó qua lưới lọc tinh để thu lại phần bụi trong khu vực sản xuất.

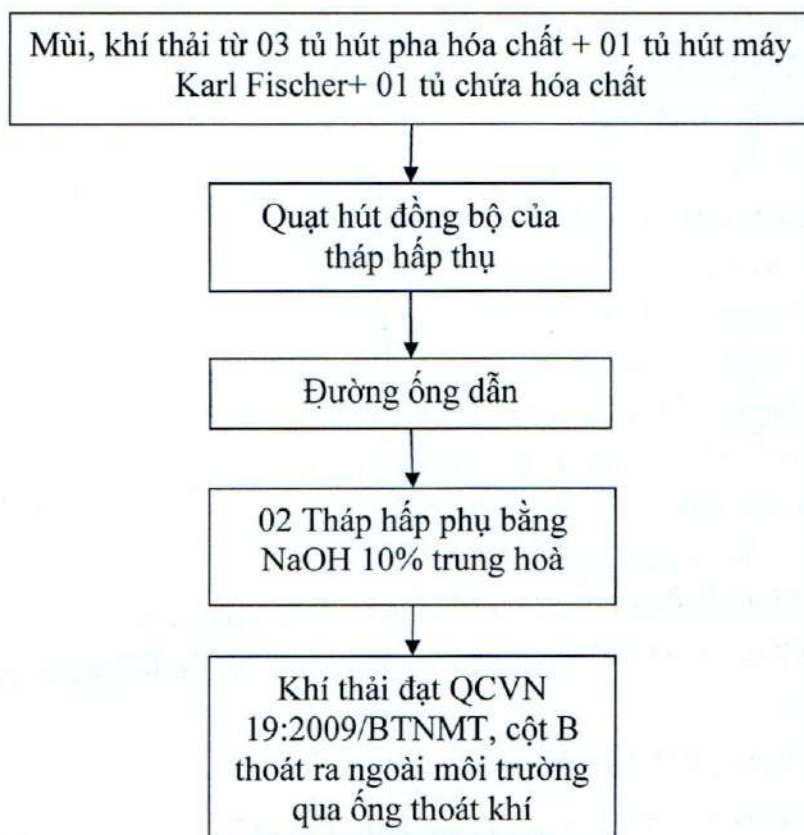
Trên đường ống khí thải có các thiết bị đo nhiệt độ, áp suất của dòng khí thải. Trên đường ống khí thải cũng có quạt để hút gió về trung tâm điều khiển. Dòng khí được hút về sẽ được tiếp tục quay vòng về đường ống thu khí để tiết kiệm nhiệt lượng đồng thời ổn định áp suất trong hệ thống HVAC.

Các lưới lọc trong hệ thống sẽ được định kỳ vệ sinh để hàng tuần, làm sạch bụi bám trên các lưới lọc đối với lọc thô và thay mới định kỳ không quá 24 tháng, 36 tháng đối với lọc HEPA nhằm đảm bảo nồng độ bụi có trong dòng không khí đi vào khu vực sản xuất.

Hệ thống HVAC Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic bao gồm các AHU và các AC để thu bụi tại vị trí máy trộn, máy tạo hạt để thu gom triệt để phần bụi phát sinh từ các công đoạn này để đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt được những quy định của tiêu chuẩn GMP.

2. Xử lý mùi, khí thải từ tủ hút hoá chất và tủ chứa hóa chất phòng pha mẫu của khu vực kiểm nghiệm

Hệ thống xử lý mùi, khí thải từ tủ hút hoá chất và tủ chứa hóa chất phòng pha mẫu của khu vực kiểm nghiệm



Sơ đồ hệ thống xử lý mùi, khí thải từ tủ hút hoá chất phòng pha mẫu của khu vực kiểm nghiệm

Thuyết minh hệ thống:

Mùi, khí thải phòng kiểm nghiệm phát sinh chủ yếu từ hoạt động pha mẫu, sử dụng các hóa chất dễ bay hơi. Tại dự án, việc pha hóa chất được thao tác trong 04 tủ hút chuyên dụng; các hóa chất được lưu chứa trong 01 tủ đựng hóa chất chuyên dụng, vì vậy hơi hóa chất phát sinh trong khoang kín của các thiết bị.

Hơi hóa chất phát sinh trong các khoang thao tác, khoang chứa của tủ hút và tủ đựng hóa chất, được thu gom bằng hệ thống chụp hút và đường ống PVC ruột già gân mềm Ø90 đồng bộ với tay chụp sau đó đưa ra hệ thống đường ống chính PVC Ø150 đồng bộ với từng thiết bị, dưới tác dụng của quạt hút khí thải được thu gom, qua hệ thống đường ống dẫn đưa tới tháp hấp thụ sử dụng NaOH 10% trong bể 100 lít trung hòa khí thải trở thành

khí sạch với môi trường ngoài, thoát ra ngoài môi trường qua đường ống thoát khí của thiết bị.

Đây là một phương pháp xử lý khí thải phổ biến, hiệu quả và tính khả thi cao; hiệu quả xử lý của hệ thống này đạt tới 95%.

Thông số kỹ thuật HTXL:

Thông số kỹ thuật tủ hút và bộ lọc than hoạt tính đồng bộ:

- Kích thước phần tủ pha hóa chất (03 tủ);
- Kích thước bên ngoài: $D \times R \times C = 1240 \times 800 \times 2200 \text{ mm}$;
- Kích thước bên trong khoang làm việc: $D \times R \times C = 1020 \times 670 \times 730 \text{ mm}$;
- Kích thước phần tủ chứa máy Karl Fischer (01 tủ);
- Kích thước bên trong: $w981 \times d577 \times h1203 \text{ mm}$;
- Kích thước Bên ngoài: $w1200 \times d750 \times h1526 \text{ mm}$;
- Kích thước tủ chứa hóa chất (01 tủ);
- Kích thước Bên ngoài: $D \times R \times C = 2500 \times 1000 \times 1000 \text{ mm}$;
- Quạt hút (02 quạt) : Công suất: 1,5Hp cột áp thấp lưu lượng $394 \text{ m}^3/\text{h}$;
- Đường ống dẫn khí: ống nhựa PVC Ø200;

Thông số kỹ thuật tháp hấp phụ khí thải:

- Kích thước: $\text{Ø}600 \times 1.200 \text{ mm}$; vật liệu cấu tạo inox 304 dày 2mm;
- Ống khói vật liệu cấu tạo PVC dày 2mm; đường kính Ø350mm; chiều cao ống khói 4m.

c. Khí thải từ các máy phát điện

- Dự án có sử dụng 04 máy phát điện (2 máy 250KVA và 2 máy 390KVA), nhiên liệu dầu DO để duy trì điện hoạt động cho nhà máy. Vì tính chất hoạt động không thường xuyên, chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố mất điện nên lưu lượng khí thải và tiếng ồn của máy phát điện dự phòng phát sinh không liên tục. Tuy nhiên, để bảo đảm môi trường không bị ô nhiễm khi máy hoạt động dự án đã có những biện pháp giảm thiểu như sau:

- Nhà chứa máy phát điện:

+ Máy phát điện số 1 (**250KVA**): có kích thước $3\text{m}8 \times 1\text{m}1 \times 1\text{m}2$, sàn có kết cấu bê tông, vách xây tô khép kín, đảm bảo không gây ồn với khu vực xung quanh. Máy được trang bị bộ giảm rung chấn và bộ lọc khói bụi. Có hành lang rộng 2m và tường đôi để tránh ảnh hưởng đến nhà dân xung quanh

+ Máy phát điện số 2 (**250KVA**): có kích thước $3\text{m}8 \times 1\text{m}1 \times 1\text{m}2$, sàn có kết cấu bê tông, vách xây tô khép kín, đảm bảo không gây ồn với khu vực xung quanh. Máy được trang bị

bố giảm rung chấn và bố lọc khói bụi. Có hành lang rộng 2m và tường đôi để tránh ảnh hưởng đến nhà dân xung quanh

+ Máy phát điện số 3 (**390KVA**): có kích thước 3m8x1m1x1m2, sàn có kết cấu bê tông, vách xây tô khép kín, đảm bảo không gây ồn với khu vực xung quanh. Máy được trang bị bố giảm rung chấn và bố lọc khói bụi. Có hành lang rộng 2m và tường đôi để tránh ảnh hưởng đến nhà dân xung quanh.

+ Máy phát điện số 4 (**390KVA**): có kích thước 3m8x1m1x1m2, sàn có kết cấu bê tông, vách xây tô khép kín, đảm bảo không gây ồn với khu vực xung quanh. Máy được trang bị bố giảm rung chấn và bố lọc khói bụi. Có hành lang rộng 2m và tường đôi để tránh ảnh hưởng đến nhà dân xung quanh





Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)
11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 73 017 018 Fax: +84 28 73 036 038
www.ecocycle.vn

SERVICE CONTRACT FOR TREATMENT OF WASTE MATERIALS
HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Contract No. / Hợp Đồng số: [048/GEOS/2023]

This Contract for Treatment of Waste Materials (this "Contract") is entered into with effect as of [23rd February 2023] (the "Effective Date") by and between:
Hợp Đồng Xử Lý Chất Thải này ("Hợp Đồng" này) được ký kết với hiệu lực từ ngày [23/02/2023] ("Ngày Hiệu Lực") bởi và giữa

Waste Treatment Service Provider:	SIAM CITY CEMENT (VIETNAM) LIMITED
Cơ Sở Thực Hiện Dịch Vụ Xử Lý Chất Thải:	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SIAM CITY CEMENT (VIỆT NAM)
Address:	11 Doan Van Bo Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam
Địa chỉ:	11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel / Điện thoại:	+84 28 73 017 018
Fax:	+84 28 73 036 037- 28 73 036 038
Email:	Connection-vnm@siamcitycement.com
Thư điện tử:	
Tax code	0300608568
Mã số Thuế:	
Bank account:	001044460101 at HSBC Bank Viet Nam Ltd
Tài khoản ngân hàng:	001044460101 tại Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Represented by:	BRUNO FUX
Người đại diện:	Authorization Letter No.P-23015 dated 1 st Jan 2023] Thư Ủy Quyền số P-23015 ngày 01/01/2023
Position:	INSEE Ecocycle Director
Chức vụ:	Giám Đốc INSEE Ecocycle
(Hereinafter referred to as "SCC-VN" / Sau đây được gọi tắt là "SCC-VN")	
Invoice issuance entity:	SIAM CITY CEMENT (VIETNAM) LIMITED – KIEN GIANG BRANCH
Đơn vị xuất hóa đơn:	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam City Cement (Việt Nam) – Chi nhánh Kiên Giang
	0300608568 – 001
Tax Code / Mã số thuế:	Intercity Highway 11, Binh An Ward, Kien Luong District, Kien Giang Province, Vietnam
Address	Liên Tỉnh Lộ 11, Xã Bình An, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
Địa chỉ:	
(Hereinafter referred to as "Plant" / Sau đây được gọi tắt là "Nhà máy")	

AND
VÀ

Waste Owner:	PHARMEDIC PHARMACEUTICAL MEDICINAL JOINT STOCK COMPANY
Chủ Nguồn Thải	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic
Address:	[367 Nguyen Trai Street, Nguyen Cu Trinh Ward, District 1, HCMC
Địa chỉ:	367 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM
Tel / Điện thoại:	028-39 200 300
Fax:	028-39 200 096
Email:	
Thư điện tử:	

Tax code: 0300483037

Mã số Thuế:

Represented by:

TRẦN VIỆT TRUNG

Người đại diện:

Authorization Letter No. [] dated []

Thư Ủy Quyền số [] ngày []

Position:

[General Director

Chức vụ:

Tổng giám đốc

(Hereinafter referred to as the "Client" / Dưới đây được gọi tắt là "Khách Hàng")

(SCC-VN and the Client are hereinafter referred to collectively as the "Parties" and individually as a "Party")

(SCC-VN và Khách Hàng sau đây được gọi chung là "Các Bên" và gọi riêng là "Bên")

WHEREAS:

XÉT RẰNG:

- (1) The Client is the waste owner of certain waste materials, as listed in Annex 1 of this Contract (the "Waste Materials") at the Client's location(s) as listed in Annex 2 of this Contract ("Site(s)"), which the Client wishes to dispose of in an environmentally safe and sound manner.
Khách Hàng hiện là chủ nguồn thải đối với một số các loại chất thải, như được liệt kê tại Phụ Lục 1 của Hợp Đồng này ("Chất Thải") tại (các) địa điểm của Khách Hàng, như được liệt kê tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này ("Các Địa Điểm"), theo đó Khách Hàng mong muốn xử lý Chất Thải theo cách thức an toàn cho môi trường và con người.
- (2) SCC-VN is an entity having the function to provide waste transport and treatment services including Co-processing services as defined below with regard to Waste Materials in accordance with applicable regulations of Vietnam laws.
SCC-VN là đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải bao gồm dịch vụ Đồng xử lý như được định nghĩa dưới đây đối với Chất Thải theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- (3) SCC-VN and the Client mutually agree to enter into this Contract for the provision of waste treatment services including but not limited to co-processing service by SCC-VN with regard to Waste Materials of the Client.
SCC-VN và Khách Hàng đồng ý ký kết Hợp Đồng này để SCC-VN cung cấp dịch vụ xử lý chất thải, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ Đồng xử lý, đối với Chất Thải của Khách Hàng.

NOW, THEREFORE, the Parties agree as follows:

NAY, DO ĐÓ, Các Bên thỏa thuận như sau:

1. THE CO-PROCESSING SERVICE

DỊCH VỤ ĐỒNG XỬ LÝ

- (i) "Co-processing" means the process of loading the Waste Materials into a rotary cement kiln at the Plant so that the Waste Materials shall be completely and safely destroyed with no residual ash due to (1) the extreme temperatures, long residence time and highly alkaline environment in which the Waste Materials are burnt almost-completely and (2) the residual ash resulting from such Co-processing activity, if any, being incorporated into the production of clinker of SCC-VN.
"Đồng xử lý" là quá trình đưa Chất Thải vào trong lò nung xi măng dạng quay tại Nhà máy để chất thải được tiêu hủy hoàn toàn trong điều kiện an toàn, không tạo ra tro dư sau khi xử lý nhờ vào (1) nhiệt độ rất cao, thời gian lưu cháy dài, môi trường kiềm cao nên chất thải bị đốt cháy gần như hoàn toàn và (2) tro hình thành từ hoạt động Đồng xử lý này, nếu còn sót lại, được kết hợp sử dụng trong quá trình sản xuất clinker của SCC-VN.
- (ii) Under this Contract, SCC-VN shall provide the Client with the waste treatment service by Co-processing method with regard to the Client's Waste Materials at the Plant of SCC-VN. Accordingly, SCC-VN will collect the Waste Materials from the Client's Site and transport them to the Plant of SCC-VN for Co-processing.
Theo Hợp Đồng này, SCC-VN sẽ cung cấp cho Khách Hàng dịch vụ xử lý Chất Thải bằng

phương pháp đồng xử lý liên quan đến Chất Thải của Khách Hàng tại Nhà máy của SCC-VN. Theo đó, SCC-VN sẽ thu gom Chất Thải tại Địa điểm của Khách Hàng và vận chuyển các Chất Thải này đến Nhà máy của SCC-VN để tiến hành Đồng xử lý.

- (iii) In case any of the Waste Materials cannot be treated by co-processing service or otherwise agreed by the Client, SCC-VN shall arrange for the same to be treated by other methods by its registered partner (with appropriate license), for which the Client shall enter into an addendum to this Contract with SCC-VN and SCC-VN's partner for the purpose.
Trong trường hợp bất kỳ Chất Thải nào không thể được xử lý bằng dịch vụ đồng xử lý hoặc theo thỏa thuận khác với Khách Hàng, SCC-VN sẽ thu xếp để Chất Thải đó được xử lý bằng các phương pháp khác bởi đối tác đã đăng ký của SCC-VN (có giấy phép phù hợp), và để làm như vậy Khách Hàng sẽ ký kết một phụ lục bổ sung cho Hợp Đồng này với SCC-VN và đối tác của SCC-VN cho mục đích đó.

2. COLLECTION AND TRANSPORTATION THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN

- (i) The Client shall provide the Waste Materials to SCC-VN at the agreed Site. The Waste Materials must be contained in the agreed packaging or containers as stipulated in Annex 1.
Khách Hàng sẽ giao Chất Thải cho SCC-VN tại Địa điểm đã thỏa thuận. Chất Thải phải được chứa trong bao bì hoặc vật chứa theo thỏa thuận như được nêu trong Phụ Lục 1.
- (ii) The Client shall provide SCC-VN with prior notice at least (five) working days before SCC-VN collects the Waste Materials, unless otherwise agreed by the Parties. The notice shall include, among other things, the date, time, quantity, type of Waste Materials and place where the collection of the Waste Materials shall occur.
Khách Hàng sẽ thông báo cho SCC-VN chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày SCC-VN thu gom Chất Thải thực tế, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Các Bên. Thông báo sẽ bao gồm, ngày, thời gian, khối lượng, chủng loại Chất Thải, và địa điểm nơi chuyển giao Chất Thải cũng như các lưu ý khác, nếu có.
- (iii) Upon the execution of this Contract, the Client shall provide to SCC-VN with a completed manifest for the Waste Materials as the document listed in Annex 6 (the "Waste Manifest").
Dựa trên việc thực hiện Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ cung cấp cho SCC-VN chứng từ xử lý Chất Thải hoàn chỉnh theo đúng như trong mẫu được liệt kê ở Phụ Lục 6 ("Chứng Từ Chất Thải").
- (iv) The Client shall provide a list of person(s) who are authorized to sign off on the Waste Manifest per the template provided for in Annex 7 (the "Authorized Person(s)").
Khách Hàng sẽ cung cấp một danh sách (những) người chịu trách nhiệm ký duyệt trên các Chứng Từ Chất Thải theo mẫu được nêu trong Phụ Lục 7 ("(Những) Người Chịu Trách Nhiệm").

3. SPECIFICATIONS ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- (i) The Client warrants that Waste Materials to be transferred to SCC-VN shall follow the requirements and limits set forth in the Waste Material Profile under Annex 3 hereof, and shall not including radioactive materials, explosives, PCTs, surgical waste and bio-hazardous materials. In case Waste Materials are not within the Waste Material Profile under Annex 3, samples of the same shall be taken for testing before SCC-VN may offer to accept such Waste Materials for treatment. The Client shall indemnify SCC-VN and any of its sub-contractors for all costs, including but not limited to any liabilities, obligations, damages, claims, fines or charges incurred by, or asserted against SCC-VN or any of its sub-contractors resulting from any misstatement or omission of the Client in the transfer of the Waste Materials pursuant to the Waste Material Profile.
Khách Hàng đảm bảo rằng Chất Thải được chuyển giao cho SCC-VN tuân thủ các yêu cầu và giới hạn được nêu trong Hồ Sơ Chất Thải tại Phụ Lục 3 của Hợp Đồng này, và không bao gồm chất phóng xạ, chất nổ, PCTs, chất thải giải phẫu và các chất nguy hại sinh học. Trong trường hợp Chất Thải không tuân thủ Hồ Sơ Chất Thải tại Phụ Lục 3, Chất Thải sẽ được lấy mẫu để

kiểm nghiệm trước khi SCC-VN có thể đề xuất chấp nhận cung cấp dịch vụ xử lý các Chất Thải này. Khách Hàng sẽ bồi hoàn cho SCC-VN và bất kỳ nhà thầu phụ nào của SCC-VN tất cả chi phí, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, khiếu nại, khoản phạt hoặc lệ phí phát sinh hoặc gây ra cho SCC-VN hoặc bất kỳ nhà thầu phụ nào của SCC-VN, do bất kỳ sự sai sót hay thiếu sót nào của Khách Hàng trong việc chuyển giao Chất Thải căn cứ theo Hồ Sơ Chất Thải.

- (ii) SCC-VN may inspect, sample, analyze and/or test any of the Waste Materials according to SCC-VN's internal procedures. At the time of sampling, two identical samples shall be taken. The first sample shall be tested by SCC-VN or an independent third party laboratory of SCC-VN's choosing. If the results of this first test are disputed by the Client, the Client may request a second test with written notice to SCC-VN within 10 (ten) working days of the date the results of the first test are notified to the Client, as determined by SCC-VN. The second sample shall be tested by a licensed testing company, as agreed by the Parties, and the results of this second test shall be accepted as final by the Parties.

SCC-VN có thể kiểm tra, lấy mẫu, phân tích và/hoặc kiểm nghiệm các Chất Thải theo quy trình nội bộ của SCC-VN. Vào thời điểm lấy mẫu, hai mẫu giống nhau sẽ được thu thập. Mẫu thứ nhất sẽ được sử dụng để SCC-VN hoặc một phòng thí nghiệm độc lập bên ngoài do SCC-VN chọn kiểm nghiệm. Nếu kết quả của lần kiểm nghiệm thứ nhất không được Khách Hàng chấp nhận, Khách Hàng có thể yêu cầu kiểm tra lần thứ hai bằng cách gửi thông báo cho SCC-VN trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày SCC-VN thông báo cho Khách Hàng kết quả của lần kiểm tra thứ nhất bởi SCC-VN. Mẫu thứ hai sẽ được kiểm tra bởi công ty kiểm định được cấp phép theo sự thống nhất của Các Bên, và kết quả của lần kiểm tra thứ hai sẽ được Các Bên chấp nhận là kết quả cuối cùng.

- (iii) If, at any time following taking possession of the Waste Materials, SCC-VN discovers that, the Waste Materials do not conform to the information provided in the article 3(i), SCC-VN and Client agreed to solve as follow solutions below:

Nếu, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi đã nhận Chất Thải, SCC-VN phát hiện Chất Thải không phù hợp với thông tin được quy định trong Điều 3(i), SCC-VN và Khách Hàng cùng thỏa thuận giải quyết theo một trong các phương án sau:

- (a) SCC-VN shall return some or all of the Waste Materials to the Client, at the Client's costs and SCC-VN shall invoice the Client for any work SCC-VN has undertaken up to that point; or

SCC-VN trả lại một phần hoặc toàn bộ Chất Thải cho Khách Hàng bằng toàn bộ chi phí do Khách Hàng chịu, tính phí và xuất hóa đơn cho Khách Hàng đối với những việc mà SCC-VN đã thực hiện đến thời điểm trả lại Chất Thải; hoặc

- (b) SCC-VN shall accept the non-conforming Waste Materials and shall bring the same into conformance before treatment, of which all additional costs shall be borne by the Client. SCC-VN chấp nhận số Chất Thải không phù hợp này và xử lý để Chất Thải trở nên phù hợp với chi phí phát sinh thêm do Khách Hàng thanh toán.

- (c) Notwithstanding anything in this Article 3(iii), SCC-VN shall provide the Client with an estimate of such cost in points (a) and/or (b) above of this Article 3(iii) prior to charging the additional fee. The Client shall have [5 (five) working days] to approve the proposed additional costs. If the Client rejects the additional cost or does not confirm its acceptance to the additional cost with the aforesaid time limit, the Client has [5 (five) days], from the date of its rejection or from the end of the time limit for acceptance of the additional cost, to arrange for the pickup of its Waste Materials at the Client's sole cost. SCC-VN may charge storage fee or arrange for return of Waste Materials to Client in case Client delays the pickup of its Waste Materials without reasonable cause.

Bất kể quy định tại Điều 3(iii) này, trước khi tính thêm bất kỳ chi phí phát sinh được nêu tại điểm (a) và/hoặc (b) kể trên của Điều 3(iii), SCC-VN sẽ thông báo cho Khách Hàng khoản chi phí phát sinh ước tính. Khách Hàng có 5 (năm) ngày làm việc để chấp nhận các chi phí phát sinh được đề xuất. Nếu Khách Hàng từ chối chi phí phát sinh hoặc không chấp nhận chi phí phát sinh trong thời hạn quy định, Khách Hàng sẽ thu xếp để vận chuyển Chất Thải về trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày từ chối chi phí phát sinh hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp nhận chi phí phát sinh và tự chịu chi phí cho việc

này. SCC-VN có quyền tính phí lưu kho cũng như tự thu xếp hoàn trả Chất Thải trong trường hợp Khách Hàng chậm vận chuyển Chất Thải trở về mà không có lý do chính đáng.

- (iv) If, at any time, the Client discovers or has reason to believe that the Waste Materials present or may present a hazard or risk to persons or the environment which was not disclosed in the Article 3(i), the Client shall notify within 1 (one) working day of becoming aware of such information, to SCC-VN.

Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào, Khách Hàng phát hiện hoặc có lý do để tin rằng Chất Thải có hoặc có thể gây hại hoặc rủi ro cho con người hoặc môi trường mà chưa được tiết lộ tại Điều 3(i), Khách Hàng sẽ thông báo về những thông tin đó cho SCC-VN trong vòng 1 (một) ngày làm việc] kể từ thời điểm biết được thông tin này.

- (v) If the Client modifies any aspect of its processes, including but not limited to different materials being added to the process, which could result in the Waste Materials not conforming to the Article 3(i), the Client shall immediately, but in any event within 1 (one) working day of becoming aware of such information, notify SCC-VN of any such changes.

Nếu Khách Hàng điều chỉnh bất cứ khía cạnh nào trong quy trình của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nguyên liệu khác nhau được đưa vào quy trình mà việc điều chỉnh này có thể tác động lên Chất Thải đến mức Chất Thải không còn phù hợp với Điều 3(i), thì Khách Hàng sẽ ngay lập tức thông báo cho SCC-VN về những thay đổi đó trong vòng 1 (một) ngày làm việc kể từ thời điểm biết được thông tin này.

4. PRICE AND PAYMENT GIÁ CẢ VÀ THANH TOÁN

Price and payment term for this Contract are stipulated in Annex 4 and Annex 5 respectively of the Contract.

Giá cả và điều khoản thanh toán đối với Hợp Đồng này được quy định tương ứng tại Phụ Lục 4 và Phụ Lục 5 của Hợp Đồng.

5. SAFETY AN TOÀN

- (i) SCC-VN shall ensure that its staff and any sub-contractors:
SCC-VN đảm bảo rằng nhân viên của mình và bất kỳ nhà thầu phụ của mình:

- (a) Comply with the Client's occupational health and safety rules, Site access controls, and other general practices and procedures which are properly communicated in writing to SCC-VN immediately following the date of this Contract, or at least 3 (three) days prior to the proposed date on which SCC-VN is to pick up the Waste Materials;
Tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, việc kiểm soát ra vào Địa điểm và các thông lệ và thủ tục khác của Khách Hàng đã được thông báo bằng văn bản cho SCC-VN ngay sau khi ký Hợp Đồng này, hoặc tối thiểu là 3 (ba) ngày trước ngày SCC-VN dự kiến thu gom Chất Thải;

- (b) Use occupational health and safety equipment, tools and any devices that are required by the Client or applicable Vietnamese law; and
Sử dụng những thiết bị, công cụ và máy móc về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp do Khách Hàng yêu cầu hoặc theo quy định của Pháp luật Việt Nam; và

- (c) Comply with all health and safety measures implemented at the Site or required by applicable Vietnamese law.
Tuân thủ tất cả các biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp tại Địa điểm hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- (ii) The Client shall ensure that the Site complies with all applicable Vietnamese laws and is free from all risks and dangers while SCC-VN's personnel and sub-contractors are at the Client's Site to perform this Contract. The Client shall indemnify SCC-VN, its personnel and sub-contractors against any and all liabilities, obligations, losses, damages, penalties, actions, costs

and expenses of any kind which may be imposed on, incurred by, or asserted against SCC-VN relating to or arising out of this Contract through the Client's negligence or misconduct.

Khách Hàng đảm bảo rằng Địa điểm của mình tuân thủ tất cả quy định pháp luật Việt Nam, không có rủi ro và nguy hiểm trong khi nhân viên và nhà thầu phụ của SCC-VN đang thực hiện công việc theo Hợp Đồng này tại Địa điểm của Khách Hàng. Khách Hàng sẽ bồi hoàn cho SCC-VN, nhân viên và nhà thầu phụ của SCC-VN bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, nghĩa vụ, tổn thất, thiệt hại, tiền phạt, kiện tụng, chi phí và bất kỳ phí tổn khác có thể được áp dụng cho SCC-VN, do SCC-VN chịu, hoặc được đòi hỏi đối với SCC-VN liên quan đến hoặc bắt nguồn từ sự bất cẩn hay sai phạm của Khách Hàng.

- (iii) In addition to complying with all applicable Vietnamese laws, the Client shall provide and maintain other safeguards for the protection of SCC-VN's personnel and any of its sub-contractors at the Client's the Site and on the access routes to and from the Site and make SCC-VN and its sub-contractors aware of all applicable safety procedures.

Bên cạnh việc tuân thủ tất cả quy định của pháp luật Việt Nam, Khách Hàng sẽ cung cấp và duy trì các biện pháp bảo vệ để bảo vệ cho nhân viên và các nhà thầu phụ của SCC-VN tại Địa điểm của Khách Hàng cũng như lối ra vào Địa điểm của Khách Hàng và thông báo cho SCC-VN và các nhà thầu phụ của SCC-VN biết về các thủ tục an toàn được áp dụng.

6. FORCE MAJEURE BẤT KHẢ KHÁNG

- (i) Force majeure event means any event or circumstance or series of events, circumstances beyond the control of the Party making such Party can't perform all or part of their responsibilities under this Contract including but not limited to: natural disasters, floods, epidemics, wars, fires, explosion, accident, riots or sabotages, strikes, national defense requirements, court order, changes in legislation, changes of laws, policies and other provisions of the State, breakage or failure of machinery or apparatus which are directly related to the implementation of current Contract ("Force Majeure Event"). The difficulties in manufacturing, if it is not a result of a Force Majeure Event, does not release the Parties from the responsibility of this Contract performance or the appropriate reasons for the delay or prolong the performance of its obligations under the Contract.

Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của bất kỳ Bên nào làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn, cháy nổ, tai nạn, bạo động hoặc phá hoại, đình công, các yêu cầu về quốc phòng, lệnh cấm của tòa, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước, sự hư hỏng của máy móc hoặc thiết bị liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng ("Sự kiện bất khả kháng"). Những khó khăn về sản xuất, nếu không xuất phát từ Sự kiện bất khả kháng, sẽ không giải phóng Các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng hay là lý do chính đáng để Các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.

- (ii) The Party that meets Force Majeure Event must notify the other Party within a period not exceeding 3 (three) days from the date of the Force Majeure Event. In case the affected Party of the Force Majeure Event does not notify within the time limit, the situation will not be accepted as Force Majeure and the Party affected by Force Majeure Event will not be absolved due to Force Majeure Event. If any Party affected by a Force Majeure Event, the obligations such Party will be suspended during the Force Majeure Event occurs, plus a reasonable time to remedy the consequences of Force Majeure Event. The Party affected by Force Majeure Event shall use reasonable efforts to remedy the effects of Force Majeure or mitigate the consequences of that impact in the shortest time possible.

Bên gặp phải Sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 3 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng. Nếu quá thời hạn trên mà Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng không có thông báo thì sự kiện đó sẽ không được chấp nhận là Sự kiện bất khả kháng và Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách nhiệm do Sự kiện bất khả kháng. Trường hợp có bất kỳ Bên nào bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện Hợp Đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hệ quả của Sự kiện bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực

hợp lý để khắc phục những ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hệ quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

7. CONFIDENTIALITY TÍNH BẢO MẬT

SCC-VN and the Client shall treat as confidential property and shall not disclose to any third parties during or subsequent to the term of this Contract, except when it is necessary to perform this Contract (and then only on a confidential basis satisfactory to the Parties), any information (including the technical information, experiences of data) on plans, programs, factories, process, products, cost, equipment, activities or clients of a Party which may come within the knowledge of the Parties, their officers or their personnel during the performance of this Contract, without the prior written consent of such Party for each case. SCC-VN and the Client shall keep confidential the contents of this Contract and shall not disclose to others, except as required by law, the contents of this Contract.

SCC-VN và Khách Hàng sẽ bảo mật và không tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào trong hoặc sau thời hạn Hợp Đồng này, trừ khi cần thiết để thực hiện Hợp Đồng này (nhưng trong trường hợp này chỉ trên cơ sở bảo mật thỏa đáng đối với Các Bên), bất kỳ thông tin (kể cả mọi thông tin về kỹ thuật, kinh nghiệm, hoặc dữ liệu) về kế hoạch, chương trình, nhà máy, quy trình, sản phẩm, chi phí, thiết bị, hoạt động hoặc khách hàng của một Bên mà Các Bên, nhân viên hoặc công nhân của Các Bên được biết khi thực hiện Hợp Đồng này, nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên đó trong mỗi trường hợp. SCC-VN và Khách Hàng cũng sẽ bảo mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ cho bất cứ ai khác biết, trừ khi được luật pháp yêu cầu.

8. TERM AND TERMINATION OF THE CONTRACT THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (i) This Contract shall be effective from the Effective Date and shall continue to have full force until [22 February 2024] ("Term").
Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Ngày Hiệu Lực và tiếp tục giữ nguyên giá trị đến hết ngày [22.02.2024] ("Thời Hạn").
- (ii) The Contract shall be automatically terminated upon expiry of the Term of the Contract, or as otherwise agreed in writing between the Parties.
Hợp Đồng này sẽ tự động chấm dứt khi kết thúc Thời Hạn của Hợp Đồng, hoặc theo thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Các Bên.
- (iii) The Contract shall also be automatically terminated in the case a Party dissolves; bankrupts; temporarily or permanently suspends of business activities, or is revoked the operation license(s), cannot maintain the operation license(s) directly relevant to the implementation of this Contract.
Hợp Đồng này cũng sẽ tự động chấm dứt trong trường hợp một Bên giải thể; phá sản; ngừng hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, hoặc bị rút giấy phép hoạt động, không thể duy trì giấy phép hoạt động liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng này.
- (iv) Each Party has the right to unilaterally terminate the Contract by sending a written notice to the other Party on the termination:
Mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn bằng cách gửi thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt:
 - (a) at least 30 (thirty) days before the proposed termination date, or
trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất 30 (ba mươi) ngày, hoặc
 - (b) in the event that the Party affected by Force Majeure Event cannot remedy the effects of Force Majeure Event or mitigate the consequences of that impact within 30 (thirty) days from the date of the Force Majeure Event.
trong trường hợp Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục những ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hệ quả của ảnh hưởng đó để tiếp tục thực hiện Hợp Đồng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

- (v) SCC-VN has the right to unilaterally terminate the Contract forthwith by sending a written notice to the Client if the Client violates any provision of this Contract but does not recover within 15 (fifteen) days from the date the Client receiving SCC-VN's notice on the violations and remedy request.

SCC-VN có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng nếu Khách Hàng vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này nhưng không khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Khách Hàng nhận được thông báo của SCC-VN về vi phạm và yêu cầu khắc phục vi phạm.

9. GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (i) This Contract shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam.
Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.
- (ii) In the event of any dispute arising with respect to any matter or issue arising out of or relating to this Contract or to any rights, duties or obligations of the Parties herein ("Dispute"), the Parties shall make their best efforts to resolve such Dispute amicably and fairly by negotiation or conciliation. If the Parties fail to resolve such Dispute by negotiation or conciliation within 90 (ninety) days from the date of a written notice on such Dispute given by one Party to the other Party, either Party may submit such Dispute to the competent court in Vietnam for final resolution.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về bất cứ vấn đề nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp Đồng này hay đến các quyền, trách nhiệm, hoặc nghĩa vụ của Các Bên trong Hợp Đồng này ("Tranh chấp"), Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết (những) Tranh Chấp này một cách công bằng và thân thiện thông qua thương lượng, đàm phán hoặc hòa giải. Nếu Các Bên không giải quyết được Tranh chấp đó thông qua thương lượng, đàm phán hoặc hòa giải trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tranh chấp được thông báo bằng văn bản bởi một Bên cho Bên kia, thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa Tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết chung cuộc.

10. OTHER PRIVISIONS CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- (i) Each Party shall bear its own costs and expenses in relation to the execution hereunder and implementation of its rights and obligations hereunder.
Mỗi Bên sẽ chịu mọi phí tổn và chi phí liên quan đến việc ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.
- (ii) This Contract, together with all attachments and annexes, embodies the entire agreement between the Parties with respect to the subject matter of this Contract and supersedes all prior agreements between the Parties on this subject matter.
Hợp Đồng này cùng với tất cả các tài liệu đính kèm và phụ lục, thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên về vấn đề chính của Hợp Đồng này và thay thế tất cả các thỏa thuận trước đây giữa Các Bên về vấn đề này.
- (iii) Neither Party may assign or transfer any of its rights and/or obligations hereunder to a third party without written consent of the other Party.
Không Bên nào được chuyển nhượng hay chuyển giao bất kỳ quyền và/hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này cho một bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- (iv) This Contract shall not be amended, varied or altered except by mutual agreement in writing by the Parties.
Hợp Đồng này sẽ không được chỉnh sửa, thay đổi hoặc sửa đổi trừ khi có thỏa thuận chung bằng văn bản của Các Bên.
- (v) Any notice or communication under this Contract must be in writing and sent via personal delivery, courier service, registered mail, or by email to the designated address of the other

Party and shall be deemed given on the date of delivery.

Bất kỳ thông báo hoặc thông tin liên lạc nào theo Hợp Đồng này phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi bằng thư tay, dịch vụ phát chuyển nhanh, thư bảo đảm, hoặc bằng email đến địa chỉ được chỉ định của Bên kia và sẽ được xem là đã gửi vào ngày thực giao.

- (vi) No Party shall be deemed to have waived any provision of this Contract or the exercise of any rights held under this Contract unless such waiver is made expressly and in writing. Waiver by any Party of a breach or violation of any provision hereof shall not constitute a waiver of any other subsequent breach or violation.

Không Bên nào được xem là đã bỏ qua bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này hoặc việc thực thi bất kỳ quyền nào có được theo Hợp Đồng này trừ khi việc bỏ qua đó được thể hiện rõ ràng và bằng văn bản. Việc một Bên bỏ qua một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này sẽ không được xem là dẫn đến việc bỏ qua bất kỳ vi phạm nào khác sau đó.

- (vii) Any term or provision of this Contract, which becomes invalid or unenforceable, shall be ineffective only to the extent of such invalidity or unenforceability without rendering the remainder of this Contract unenforceable or invalid.

Bất cứ điều khoản hay quy định nào trong Hợp Đồng này khi trở nên không có giá trị pháp lý hoặc vô hiệu thì chỉ trở nên không có hiệu lực đối với nội dung không có giá trị pháp lý hoặc vô hiệu mà không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý hoặc hiệu lực của các điều khoản khác của Hợp Đồng.

- (viii) This Contract is made in English and Vietnamese and signed by the Parties in 2 (two) original copies, with the equal validity. Each Party keeps 1 (one) original copy. In the event of any inconsistency between the two language versions, the Vietnamese version shall prevail.

Hợp Đồng này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt và được Các Bên ký thành 2 (hai) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 1 (một) bản chính. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa hai ngôn ngữ, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Waste Treatment Service Provider
Cơ Sở Thực Hiện Dịch Vụ Xử Lý Chất Thải
For and on behalf of SCC-VN
Thay mặt và đại diện cho SCC-VN



BRUNO FUX
INSEE Ecocycle Director
Giám Đốc INSEE Ecocycle

Waste Owner
Chủ Nguồn Thải
For and on behalf of the Client
Thay mặt và đại diện cho Khách Hàng



[TRẦN VIỆT TRUNG]
[General Director]
[Tổng giám đốc]

Annex 1
Phụ Lục 1
Waste Materials Type & Packaging Condition
Loại Chất Thải & Điều kiện đóng gói

Note: Hazardous Waste Codes written below shall be (1) as per the List of hazardous waste, industrial waste subject to control and ordinary industrial solid waste stipulated in Form 01 of Appendix III enclosed to Circular 02/2022/TT-BTNMT and (2) as per SCC-VN's internal SAP system.

Lưu ý: Mã Chất Thải Nguy Hại được ghi dưới đây theo (1) Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu 1 Phụ Lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và (2) hệ thống SAP nội bộ của SCC-VN.

No.	Waste on invoice	Waste Materials description	Hazardous Waste Code	Packaging Condition
STT	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại Chất Thải	Mã Chất Thải Nguy Hại	Điều kiện đóng gói
1	Bao bì thải mềm	SOFT PACKAGING WASTE	30500000126	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		Bao bì thải mềm	18 01 01	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp
2	Dầu/ nhớt thải	USED OIL	30500000066	Drum-supplied by SCC-VN
		Dầu động cơ thải Dầu nhiên liệu thải	17 02 03 17 06 01	Phuy-SCC-VN cung cấp
3	Mực in thải	INK WASTE	30500000086	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		Hộp mực in thải	08 02 04	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp
4	Giẻ thải	CONTAMINATED RAGS	30500000062	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		Giẻ lau thải, vật liệu lọc thải, chất hấp thụ	18 02 01	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp
5	Bùn thải	WASTE WATER SLUDGE	30500000133	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		Bùn thải	12 06 05	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp
6	Hóa chất thải	CHEMICAL WASTES	30500000055	Drum-supplied by SCC-VN
		Hóa chất thải	13 01 02	Phuy-SCC-VN cung cấp
7	Thuốc thải	MEDICINE WASTE	30500000056	Jumbo bag/ Drum-supplied by SCC-VN
		Dược phẩm thải	13 01 03	Bao Jumbo/ Phuy-SCC-VN cung cấp

S&M

8	Pin, ắc quy thải	BATTERY WASTE	90500000313	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		<i>Pin, ắc quy thải</i>	16 01 12	<i>Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp</i>
9	Bóng đèn	FLUORESCENT LAMPS	90500000305	Drum-supplied by SCC-VN
		<i>Bóng đèn huỳnh quang thải</i>	16 01 06	<i>Phuy-SCC-VN cung cấp</i>
10	Chất thải kim loại- chuyển nhà thầu phụ	METAL WASTE- BYPASS	90500000308	Jumbo bag/ Drum-supplied by SCC-VN
		<i>Chất thải kim loại, vật liệu lọc bụi bằng kim loại</i>	11 04 01	<i>Bao Jumbo/ Phuy-SCC-VN cung cấp</i>
11	Hàng tiêu dùng hủy (không cắt)	DC PRODUCT	30500000052	Jumbo bag-supplied by SCC-VN
		<i>Dung dịch rửa mắt hủy</i>	Non haz	<i>Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp</i>

Annex 2
Phụ Lục 2
Địa Điểm Thu Gom Chất Thải
Waste Materials Collection Site

The Client's business: The Client is carrying out the business of [manufacturing pharmaceutical]
Ngành nghề kinh doanh của Khách Hàng: Khách Hàng hiện đang hoạt động [sản xuất dược phẩm]

The Client is the waste owner and sole generator of the Waste Materials to be delivered to SCC-VN for treatment hereunder.

Khách Hàng là chủ nguồn thải và là đơn vị duy nhất làm phát sinh toàn bộ Chất Thải được giao cho SCC-VN để xử lý theo Hợp Đồng này.

The Client wishes SCC-VN to come and collect the Waste Materials at the following Site(s):
Khách Hàng mong muốn SCC-VN đến và thu gom Chất Thải tại (các) Địa Điểm sau:

[1/67 Nguyen Van Qua Street, Dong Hung Thuan Ward, District 12, Ho Chi Minh City]
[1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh]

To clarify, in case the Client requests SCC-VN to come and collect Waste Materials at a location other than those listed herein, such location will then be considered as a Site of the Client, which will be mentioned by an agreement between two parties. For the purpose of this Contract and the Client is required to ensure safety for SCC-VN staffs or its contractors in accordance with Article 5 (ii) and (iii) hereof.

Để làm rõ, trong trường hợp Khách Hàng yêu cầu SCC-VN đến thu gom Chất Thải tại một nơi không phải được liệt kê ở đây, nơi đó sẽ được xem là một Địa Điểm của Khách Hàng và sẽ được bổ sung bằng văn bản theo thỏa thuận giữa hai bên. Vì mục đích của Hợp Đồng này và Khách Hàng phải đảm bảo an toàn cho nhân viên và/hoặc nhà thầu của SCC-VN theo quy định tại Điều 5(ii) và (iii) của Hợp Đồng này.

Annex 3
Phụ Lục 3
General Waste Material Profile
Hồ Sơ Chất Thải Chung

Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Limit / Giới hạn
pH / Độ pH		4 – 12
Chlorine [Cl]	%	< 3
Sulfur [S]	%	< 3
Fluorine [F]	%	< 1
Mercury [Hg]	ppm	< 10
Thallium [Tl]	ppm	< 50
Arsenic [As]	ppm	< 100
Antimony [Sb]	ppm	< 1.000
Chromium [Cr]	ppm	< 1.000
Cadmium [Cd]	ppm	< 100
Copper [Cu]	ppm	< 1.000
Lead [Pb]	ppm	< 1.000
Zinc [Zn]	ppm	< 15.000
Nickel [Ni]	ppm	< 1.000

Annex 4
Phụ Lục 4
Co-processing Service Price
Phí Dịch vụ Đồng xử lý

Note: Hazardous Waste Codes written below shall be (1) as per the List of hazardous waste, industrial waste subject to control and ordinary industrial solid waste stipulated in Form 01 of Appendix III enclosed to Circular 02/2022/TT-BTNMT and (2) as per SCC-VN's internal SAP system.

Lưu ý: Mã Chất Thải Nguy Hại được ghi dưới đây theo (1) Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu 1 Phụ Lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và (2) hệ thống SAP nội bộ của SCC-VN

No	Waste on invoice	Waste Materials description	Hazardous Waste Code	Packaging Condition	Estimated Quantity	Unit Price
ST T	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại Chất Thải	Mã Chất Thải Nguy Hại	Điều kiện đóng gói	KL ước tính (kg/năm)	Đơn giá (VNĐ/kg)
1	Bao bì thải mềm	SOFT PACKAGING WASTE	30500000126	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	10	9.700
		Bao bì thải mềm	18 01 01	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
2	Dầu/ nhớt thải	USED OIL	30500000066	Drum-supplied by SCC-VN	230	9.700
		Dầu động cơ thải Dầu nhiên liệu thải	17 02 03 17 06 01	Phuy-SCC-VN cung cấp		
3	Mực in thải	INK WASTE	30500000086	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	5	9.700
		Hộp mực in thải	08 02 04	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
4	Giẻ thải	CONTAMINATED RAGS	30500000062	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	100	9.700
		Giẻ lau thải, vật liệu lọc thải, chất hấp thụ	18 02 01	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
5	Bùn thải	WASTE WATER SLUDGE	30500000133	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	6.000	9.500
		Bùn thải	12 06 05	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
6	Hóa chất thải	CHEMICAL WASTES	30500000055	Drum-supplied by SCC-VN	500	10.700
		Hóa chất thải	13 01 02	Phuy-SCC-VN cung cấp		
7	Thuốc thải	MEDICINE WASTE	30500000056	Jumbo bag/ Drum-supplied by SCC-VN	800	10.200
		Dược phẩm thải	13 01 03	Bao Jumbo/ Phuy-SCC-VN cung cấp		

8	Pin, ắc quy thải	BATTERY WASTE	90500000313	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	2	15.000
		Pin, ắc quy thải	16 01 12	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
9	Bóng đèn	FLUORESCENT LAMPS	90500000305	Drum-supplied by SCC-VN	10	35.000
		Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Phuy-SCC-VN cung cấp		
10	Chất thải kim loại-chuyển nhà thầu phụ	METAL WASTE-BYPASS	90500000308	Jumbo bag/Drum-supplied by SCC-VN	100	12.000
		Chất thải kim loại, vật liệu lọc bụi bằng kim loại	11 04 01	Bao Jumbo/Phuy-SCC-VN cung cấp		
11	Hàng tiêu dùng hủy (không cắt)	DC PRODUCT	30500000052	Jumbo bag-supplied by SCC-VN	7.000	9.500
		Dung dịch rửa mắt hủy	Non haz	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		

SUPPLEMENT SERVICE FEE CHI PHÍ DỊCH VỤ PHÁT SINH

The following packaging cost applies if the number of packages delivered by SCC-VN is greater than the number of packages received from Client.

Chi phí bao bì bên dưới được áp dụng trong trường hợp số lượng bao bì do SCC-VN giao lớn hơn số lượng bao bì nhận về từ Khách Hàng.

No	Billing Name	Description	Unit	Amount
STT	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại dịch vụ phát sinh	Đơn vị	Thành tiền (VNĐ)
1	Co- processing fee Chi phí dịch vụ đồng xử lý	If not collect within 6 months Nếu không thu gom trong 6 tháng	Chuyển	15,000,000 VNĐ 15.000.000 VNĐ
2	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Jumbo bag cost Chi phí bao Jumbo	Item Cái	160,000 x Jumbo bag 160.000 x bao Jumbo
3	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Large Iron Drum cost Chi phí Phuy sắt nắp lớn	Item Cái	290,000 x Drum 290.000 x Phuy
4	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Small Iron Drum cost Chi phí Phuy sắt nắp nhỏ	Item Cái	320,000 x Drum 320.000 x Phuy
5	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Plastic Drum cost Chi phí Phuy nhựa	Item Cái	480,000 x Drum 480.000 x Phuy

6	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Tank cost Chi phí thùng chứa	Pp Item Pp Cái	1,600,000 x Tank 1.600.000 x Thùng chứa
7	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	Additional hours for every pickup's duration Phí lưu xe ngoài giờ sử dụng	Hour Giờ	250,000 x hours 250.000 x số giờ

Waste Materials shall be exchanged at the Client's Site.

Các Chất Thải sẽ được chuyển giao tại Địa điểm của Khách Hàng.

Waste Materials shall be packed and labeled by the Client to properly secure the Waste Materials during transport.

Chất Thải sẽ được Khách Hàng đóng gói và dán nhãn để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển Chất Thải.

Waste Materials shall be loaded onto trucks with forklift and forklift's driver from the Client.

Chất Thải sẽ được chuyển lên xe với sự hỗ trợ xe nâng và tài xế lái xe nâng của Khách Hàng.

Flourescent tube wastes, batteries-lead batteries wastes, metal waste will be collected by SCC-VN and transferred to an appropriately licensed waste treatment company.

Bóng đèn huỳnh quang thải, pin-ắc quy thải, chất thải kim loại sẽ được SCC-VN thu gom và chuyển giao cho nhà thầu xử lý chất thải có giấy phép phù hợp.

The duration for every pickup (including loading the Waste Materials and completed manifest) is 03 hours (working time).

Thời gian lưu xe cho mỗi chuyến thu gom (bao gồm đưa Chất Thải lên xe và hoàn tất chứng từ) là 03 giờ (giờ làm việc).

Waste Materials volume shall include the packaging/containers (PE bag, Jumbo bag, drum) and shall be based upon the weight document agreed by the Parties' representatives.

Khối lượng Chất Thải bao gồm bao bì/vật chứa (bao nylon, bao Jumbo, phuy) và được dựa vào chứng từ khối lượng được chấp nhận bởi người đại diện của Các Bên.

Packaging will not be returned.

Bao bì không được trả về.

Waste Materials volume (including packaging/containers) will be weighed by the scale of SCC-VN or be weighed at Client's Site under supervision of the Parties. In case the Client does not agree to use the scale of SCC-VN, the Client will bear the cost incurred from the activities/services for weighting the Waste Materials (if any).

Khối lượng Chất Thải (gồm cả bao bì/vật chứa) sẽ được xác định bằng cân của SCC-VN hoặc cân tại Địa điểm của Khách Hàng dưới sự giám sát của Các Bên. Trong trường hợp Khách Hàng không đồng ý dùng cân của SCC-VN, Khách Hàng sẽ tự chịu chi phí phát sinh cho các hoạt động, dịch vụ liên quan đến việc xác định khối lượng Chất Thải (nếu có).

The minimum disposal fee for each Waste Materials pickup is VND 15,000,000/truck

Phí xử lý tối thiểu cho mỗi chuyến thu gom Chất Thải là 15.000.000 VNĐ/xe

The price listed in this Annex does not include value added tax (VAT).

Giá được liệt kê trong Phụ Lục này không bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Annex 5
Phụ Lục 5

Payment Term/ Điều Khoản Thanh Toán

- (i) For the services detailed in this Contract, the Client shall pay to SCC-VN the fee as listed in Annex 4 of the Contract and other additional fee (if any).
Đối với các dịch vụ được nêu trong Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ thanh toán cho SCC-VN khoản chi phí được nêu trong Phụ Lục 4 của Hợp Đồng và các chi phí phát sinh (nếu có).
- (ii) Payment will be required on the previous working day if the Due Date (as defined below) or the end of the Permissible Delay Payment Timeline (as defined below) is on Saturday, Sunday or holidays.
Trong trường hợp Ngày Đến Hạn (như được định nghĩa dưới đây) hoặc ngày cuối cùng của Thời hạn trì hoãn thanh toán được phép (như được định nghĩa dưới đây) trùng với ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, việc thanh toán phải được thực hiện vào ngày làm việc trước đó.
- (iii) SCC-VN shall issue an invoice for its services under this Contract after each Waste Materials pick-up ("Invoice"). The Client shall pay the Invoice within 20 (twenty) days from the date of the Invoice (the "Due Date") into the bank account of SCC-VN listed on the first page of the Contract. The Client shall have 5 (five) working days following the date of the Invoice to dispute any information contained in such Invoice (each, a "Notification"). If there is a Notification from the Client, the Parties shall negotiate to resolve such Notification and the Due Date shall be extended for the period of time the Notification is unresolved starting from the date SCC-VN receives the Notification. If, after 10 (ten) working days from the date SCC-VN receiving the Notice, the Notification still cannot be resolved, either Party may submit the dispute to a competent court in Vietnam pursuant to Article 10(iv) of the Contract for final resolution.
SCC-VN sẽ cung cấp hóa đơn cho dịch vụ của mình theo Hợp Đồng này sau mỗi chuyến thu gom Chất Thải ("Hóa Đơn"). Khách Hàng phải thanh toán Hóa Đơn trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày xuất Hóa Đơn ("Ngày Đến Hạn") vào tài khoản ngân hàng của SCC-VN được nêu trong trang đầu tiên của Hợp Đồng. Khách Hàng có 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xuất Hóa Đơn để phản hồi bất kỳ thông tin nào trong Hóa Đơn ("Thông báo"). Trong trường hợp có Thông báo của Khách Hàng, Các Bên sẽ thỏa thuận để giải quyết vấn đề được nêu tại Thông báo và Ngày Đến Hạn sẽ được gia hạn bằng thời gian giải quyết kể từ ngày SCC-VN nhận được Thông báo. Nếu sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày SCC-VN nhận được Thông báo mà Thông báo vẫn chưa thể được giải quyết, bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam theo Điều 10(iv) của Hợp Đồng để giải quyết chung thẩm.
- In case the Client does not send the Notice to SCC-VN within 5 (five) working days following the date of the Invoice, the Client shall be deemed to have accepted the Invoice and the Due Date shall be maintained as normal, i.e., 10 (ten) days from the date of the Invoice.*
Trong trường hợp Khách Hàng không có Thông báo đến SCC-VN trong vòng [5 (năm) ngày làm việc] kể từ ngày xuất Hóa Đơn, Khách Hàng được xem là đã đồng ý với Hóa Đơn và Ngày Đến Hạn vẫn được tính như bình thường, tức 10 (mười) ngày kể từ ngày xuất Hóa Đơn.
- (iv) Total debts of the Client for SCC-VN's Invoices at all times must not exceed [30,000,000 VND].
Tại mọi thời điểm, tổng nợ của Khách Hàng cho các Hóa Đơn của SCC-VN không được vượt quá [30.000.000 VND].
- (v) If any Invoice is not paid by the Client by the applicable Due Date, an overdue interest rate of 0.04% per day shall be applied to all unpaid amounts owed by the Client to SCC-VN until these amounts are paid up.
Nếu bất kỳ Hóa Đơn chưa được Khách Hàng thanh toán trước hoặc tại Ngày Đến Hạn, một khoản lãi suất nợ quá hạn 0,04% mỗi ngày sẽ được áp dụng cho bất kỳ số tiền nợ quá hạn nào của Khách Hàng đối với SCC-VN cho đến khi khoản thanh toán này được trả.
- (vi) Each Party of this Contract shall be responsible for its own obligations for all governmental taxes and related fees applicable to it in accordance with relevant Vietnamese laws. Client will pay the bank transfer fee.
Mỗi Bên trong Hợp Đồng này sẽ chịu trách nhiệm trả thuế, phí có liên quan áp dụng đối với mỗi Bên theo pháp luật Việt Nam có liên quan. Khách Hàng sẽ thanh toán phí chuyển khoản ngân hàng.

Annex 6
Phụ Lục 6
Waste Manifest
Chứng Từ Chất Thải

(per Templates provided for in Appendix III enclosed to the Circular 02/2022/TT-BTNMT)
 (theo Mẫu quy định tại Phụ Lục III kèm theo Thông Tư 02/2022/TT-BTNMT)

TỈNH/THÀNH PHỐ		BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG	
Số:			
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):			
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:	
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)			
Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, TP.HCM.		ĐT:	
028.73017018		ĐT:	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Liên tỉnh lộ 11, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang		ĐT:	
0297.3854430		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		Chất thải phải xử lý
2	Chất thải phải xử lý		Chất thải phải xử lý
3	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
..... ngày.....tháng... năm..... Bên giao (chữ ký, đóng dấu nếu có)		 ngày.....tháng.... năm.... Bên nhận (chữ ký, đóng dấu nếu có)	 ngày.....tháng.... năm.... Bên nhận Xác nhận đã hoàn thành việc xử lý.
Họ và tên		Họ và tên	Họ và tên

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: số thứ tự / 2022 / 1-2-3-4-5-6.029.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam).
5-6.010.VX

Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, TP.HCM.

ĐT: 028.73017018

Địa chỉ đại lý: trạm trung chuyển 1- Km7, Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP.HCM.

ĐT: 028.38976001

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên
5-6.029.VX

Địa chỉ văn phòng: 481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.HCM

ĐT: 028. 38770847.

Địa chỉ cơ sở: Lô G05-4, MB 4-1, MB 2-4, KCN Đức Hòa 1, X. Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272.3779495.

Mã số QLCTNH:

3. Chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện:

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Ký:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
..... ngày.....tháng.....năm.....Chức danh người ký
(Chữ ký đóng dấu)

[Họ và tên]

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

[Họ và tên]

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				Mã số	
		Số: số thứ tự / 2022 / 1-2-3-4-5-6.010.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam). QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.010.VX Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, TP.HCM. ĐT: 028.73017018 Địa chỉ đại lý: trạm trung chuyển 1- Km7, Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP.HCM. ĐT: 028.38976001 Địa chỉ cơ sở xử lý: Liên tỉnh lộ 11, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang ĐT: 0297.3854430							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : không có số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở : ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: khẩu xuất:				Nước nhập khẩu: Cửa Ngày xuất cảng: Cửa			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện:	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày:							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5), ngày.....tháng.....năm..... Chức danh người ký (Chữ ký đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Kiên Giang, ngày.....tháng.....năm..... Client Service Superintendent			
[Họ và tên]				[Họ và tên]			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

Annex 7
Phụ Lục 7

List of Persons Authorized to Sign-Off on Waste Manifest
Danh sách Người chịu trách nhiệm ký trên Chứng Từ Chất Thải

Announcement
Thông báo

To: SIAM CITY CEMENT (VIETNAM) LIMITED

Gửi đến: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam City Cement (Việt Nam)

As per the Contract No. 048/GEOS/2023 dated 23rd February 2023

Theo Hợp Đồng số 048/GEOS/2023 ngày 23/02/2023

On behalf of [Pharmedic], we are pleased to announce that the following person(s) shall be authorized to sign off on the Waste Manifest for Waste Materials delivery.

Là đại diện của [Pharmedic], chúng tôi xin thông báo những người sau đây sẽ có quyền ký giao Chất Thải trên Chứng Từ Giao Nhận Chất Thải:

No. STT	Name Tên	Job Title Chức vụ	Signature Chữ ký mẫu	Remark Ghi chú
1	Trần Quang Trình	Phó tổng giám đốc		
2				
3				

This announcement is an integral part of the Contract No. 048/GEOS/2023 dated 23rd February 2023

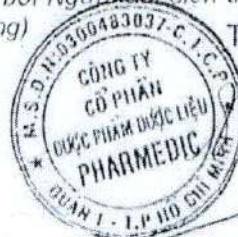
Thông báo này là một phần không tách rời của Hợp Đồng số 048/GEOS/2023 ngày 23/02/2023

Date Month.... Year.....

Ngày tháng năm

(signed by the Client's Legal Representative)

(ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Khách Hàng)



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐS. TRẦN VIỆT TRUNG

ANNEX 14 / PHỤ LỤC 14
(As per the Waste Contract No. 048/GEOS/2023
Theo hợp đồng xử lý chất thải số 048/GEOS/2023)

Ho Chi Minh City, date 20/02/2026.
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2026.

Waste Treatment 1 (Party A): SIAM CITY CEMENT (VIETNAM) LIMITED (SCC-VN)
Chủ xử lý CTNH 1 (Bên A): Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam City Cement (Việt Nam)
Address: 11 Doan Van Bo Street, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh city, Vietnam
Địa chỉ: 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

VAT Number: 0300608568
Mã số Thuế GTGT:
Represented by: **DƯƠNG THỊ KIỀU**
Người đại diện:
Position: Ecocycle Director
Chức vụ: Giám Đốc Ecocycle

Waste Generator (Party B): PHARMEDIC PHARMACEUTICAL MEDICINAL JOINT STOCK COMPANY
Chủ nguồn thải (Bên B): Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
Address: 367 Nguyen Trai Street, Cau Ong Lanh Ward, HCMC
Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh
VAT Number: 0300483037

Represented by: **LÊ VIỆT HÙNG**
Người đại diện:
Position: General Director
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Waste Treatment 2 (Party C): NGOC TAN KIEN TRADING & MANUFACTURING CO., LTD
Chủ xử lý CTNH 2 (Bên C): Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Ngọc Tân Kiên (NTK)
Address: 481 Kinh Duong Vuong, Quarter 40, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Địa chỉ: 481 Kinh Dương Vương, Khu Phố 40, Phường An Lạc, Tp Hồ Chí Minh
VAT Number: 0303907051

Represented by: **HỒ THỊ KIM HÀ**
Người đại diện:
Position: Director
Chức vụ: Giám Đốc

Based on:

- Approval letter No. 2689/BTNMT-KSONMT for the confirmation of hazardous-waste transportation and treatment capacity, dated on 19th April 2023 and issued by Ministry of Natural Resources and Environment, and other adjustment of written document (if any). Party A will inform Party B for any adjustment in writing

Căn cứ vào:

- Công văn chấp thuận số 2689/BTNMT-KSONMT về việc xác nhận khả năng tiếp nhận và xử lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 19/04/2023, và các công văn điều chỉnh thay đổi (nếu có). Bên A sẽ cập nhật tới Bên B bằng văn bản về những thay đổi

Further to the Contract No. **048/GEOS/2023** and **Annex 08, 09, 10, 12, 13** valid date from **23/02/2023** until **23/02/2026**, signed by the parties with bypass

Bổ sung cho hợp đồng xử lý chất thải số **048/GEOS/2023** và **Phụ lục 08, 09, 10, 12, 13**, có hiệu lực từ ngày **23/02/2023** đến ngày **23/02/2026**, đã được ký bởi các với các danh mục chất thải như bên dưới:

No.	Waste Materials description	Hazardous Waste Code	Estimated quantity	Treatment method
STT	Mô tả loại Chất Thải	Mã Chất Thải Nguy Hại	Khối lượng ước tính	Phương án xử lý
1	Battery Waste	90500000313	2	Nghiền-Hóa rắn/ Phá dỡ, súc rửa
	Pin, ắc quy thải	16 01 12		
2	Fluorescent Lamps	90500000305	10	Nghiền
	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06		
3	Contaminated Packaging Waste - Bypass	90500000307	100	Thiêu đốt/Tẩy rửa, Thu hồi
	Bao bì thải bằng kim loại chuyển nhà thầu phụ	18 01 02		

- Extend the contract validity and 3 parties annex No. **048/GEOS/2023** and **Annex 08, 09, 10, 12, 13** to **30/06/2027**.
Gia hạn thời hạn hiệu lực hợp đồng và phụ lục 3 bên số **048/GEOS/2023** và **Phụ lục 08, 09, 10, 12, 13** đến ngày **30/06/2027**.
- On the extension period **24/02/2026 – 30/06/2027**, Party B shall do a minimum of 02 (two) collection trips as committed in the Contract and previous Annexes, the fee for each remaining trip is 15,000,000 VND/Trip.
Trong thời gian gia hạn **24/02/2026 - 30/06/2027**, Bên B sẽ thực hiện tối thiểu là 02 (hai) chuyến thu gom như cam kết của Hợp đồng và các Phụ lục trước đó, chi phí cho mỗi chuyến còn thiếu là 15.000.000 VND/Chuyến.
- This Annex is valid from **24/02/2026 until 30/06/2027**.
Phụ lục này có hiệu lực từ ngày **24/02/2026** đến ngày **30/06/2027**.
- All other terms and conditions of the contract and annexes remain unchanged.
Tất cả các điều khoản và điều kiện khác của hợp đồng và các phụ lục đính kèm vẫn không đổi.

- 5) This Annex is signed by three parties in three original copies, each party holds one copy and is translated in both English and Vietnamese language simultaneously, each language translation being of equal validity. However, in the event of any inconsistency between the two translations, the Vietnamese translation shall prevail.

Phụ lục này được ba bên ký thành ba bản chính và mỗi bên giữ một bản và được dịch sang tiếng Anh và tiếng Việt, hai ngôn ngữ có giá trị như nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp có mâu thuẫn giữa hai bản dịch, tiếng Việt sẽ được lấy làm căn cứ.

WASTE TREATMENT 1
Chủ xử lý CTNH 1



By / Bởi: **DƯƠNG THỊ KIỀU**

Title / Chức vụ: Ecocycle Director

WASTE GENERATOR
Chủ nguồn thải



By / Bởi: **LÊ VIỆT HÙNG**

Title / Chức vụ: General Director

WASTE TREATMENT 2
Chủ xử lý CTNH 2



By / Bởi: **HỒ THỊ KIM HÀ**

Title / Chức vụ: Director





Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 60. VXQN-PMD

“V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại”

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310457999, đăng ký lần đầu ngày 17/11/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/11/2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp cho công ty TNHH Xây dựng TM DV Việt Xanh QN.
- Căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc số 278/HĐNT/2023/SGX-VXQN giữa Công ty TNHH XD TM DV Việt Xanh QN và Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh v/v xử lý bùn thải không nguy hại;
- Căn cứ vào công văn số 9935/ STNMT- CTR ngày 15/10/2018 của Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tp Hồ Chí Minh gửi cho Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic về việc quản lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

Hôm nay, ngày 19 tháng 05 năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC
(Chủ nguồn thải)

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh, TP HCM

Điện thoại : 028-39200300

MST : 0300483037

Đại diện : Ông LÊ VIỆT HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM DV VIỆT XANH QN
(Đại lý vận chuyển)

Địa chỉ : 84 Dương Đức Hiền, P.Tây Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại : 08.38165638

Fax: 08.38165638

MST : 0310457999

Số tài khoản : 060252619626 Ngân Hàng Sacombank – CN Phú Lâm – TP.HCM

Đại diện : Ông HOÀNG TRUNG THẮNG Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG





1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển các loại chất thải công nghiệp không nguy hại (gọi tắt là Bùn thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của bên A theo danh mục tại Điều 3 của hợp đồng này.

2. Thời gian thực hiện: từ ngày 19/05/2026 đến hết ngày 31/12/2027.

3. Địa điểm tiếp nhận CTCN: 1/67 Nguyễn Văn Quà, phường Đồng Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Bên A:

1. Cung cấp các chứng từ chuyển giao bùn thải có đầy đủ các thông tin, ký tên và đóng dấu của bên A khi chuyển giao bùn thải cho bên B.
2. Cử nhân sự để giám sát và xác nhận số lượng bùn thải.
3. Đảm bảo mặt bằng để xe ra vào, bốc xếp được thuận lợi.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của chất thải công nghiệp (là chất thải không chứa thành phần nguy hại)

Bên B:

1. Chịu trách nhiệm trong quá trình thu gom, vận chuyển bùn thải từ kho của bên A đến khu xử lý của bên B.
2. Đảm bảo giữ gìn trật tự, vệ sinh trong phạm vi của bên A trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển bùn thải ra khỏi Công ty.
3. Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Chuyển cho bên A giấy giới thiệu nhân sự để thực hiện thu gom, vận chuyển bùn thải.

ĐIỀU 3: DANH MỤC VÀ SỐ LƯỢNG XỬ LÝ BÙN THẢI

Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp :

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Đơn giá (Vnd/Tấn)	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải (không chứa thành phần nguy hại).	Rắn	2.500.000	

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- ✓ Số lượng dưới 8 tấn tính bằng 8 tấn. Trên 8 tấn tính theo phiếu cân thực tế.
- ✓ Bao gồm chi phí vận chuyển CTCN về nhà máy xử lý.
- ✓ Nhà máy chịu trách nhiệm bốc xếp hàng lên xe.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 5: GIẤY TỜ PHÁP LÝ

1. Bên A cung cấp cho bên B những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải (Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại) & kết quả kiểm định mẫu bùn.

ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá cả và số lượng như Điều 3. *✓*



ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Điều kiện thanh toán:

- Biên bản xác nhận khối lượng của 2 bên.
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp.

2. Phương thức thanh toán: Theo từng đợt và chuyển khoản.

3. Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ như tại điểm 7.1.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ VÀ KÝ HỢP ĐỒNG MỚI

1. Khi hợp đồng hết thời hạn và hai bên đã hoàn thành đầy đủ cam kết của mình thì xem như hợp đồng này được thanh lý.
2. Trong trường hợp bên A có nhu cầu ký hợp đồng mới, thì bên B sẽ làm phụ lục để gia hạn thêm thời hạn hợp đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có trở ngại phát sinh sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác.
2. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Toà án kinh tế địa phương để giải quyết và phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
3. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Hoàng Trung Thắng



CTY TNHH TM DV MT TÙNG PHÁT
MST: 0318520346
Đ/C: 25/25 Lê Văn Thọ, P.Thông Tây Hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 020.1/2026/RCN KNH/THN

(V/v: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại)

Căn Cú Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông Tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm có:

- BÊN A:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC
- Đại diện : Ông LÊ VIỆT HÙNG Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh , TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 39 200 300 Fax: 028 39 200 096
- Số tài khoản giao dịch: 0071000381811. Tại Ngân Hàng Vietcombank – CN Sài Gòn
- Mã số thuế : 0300483037

BÊN B:

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG TÙNG PHÁT
- Đại diện: Ông PHAN THẾ TÙNG Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ trụ sở: 25/25 Lê Văn Thọ, P.Thông Tây Hội . TP HCM
- Mã số thuế: 0318520346
- Số điện thoại: 090 6926 988
- Số tài khoản Công Ty: 41027427 Tại: NH Á Châu (ACB) – CN Gò Vấp

Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

Bên A đồng ý giao cho Bên B:

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại cho bên A.
- Tần suất thu gom: Khi Bên A thông báo, Bên A phải báo cho bên B từ hai đến ba ngày để bên B sắp xếp thu gom.

1. Giá trị hợp đồng

- Đơn giá/tháng: 360.000 VNĐ / tháng. (Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)
Viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.
- Tổng giá trị/năm: 4.320.000 VNĐ/năm (Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)
Viết bằng chữ: Bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

2. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

- Bên B tiến hành vận chuyển rác công nghiệp không nguy hại về nơi được phép xử lý
- Hình thức thanh toán:
+ Chi phí phát sinh thu gom Bên A thanh toán cho Bên B sau 7 ngày tính từ ngày nhận được hóa đơn của Bên B.

a) Địa điểm thu gom: 1/67 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận

- Đơn vị xử lý: 691 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Tp HCM.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

Bên A:

- Nơi chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải thuận tiện cho xe ra vào lấy.
- Thông báo cho Bên B trước trong trường hợp khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom.
- Tất cả các loại rác phải đựng trong bao nylon, phân loại trong thùng chứa trước khi đem xuống hầm rác.

Bên B:

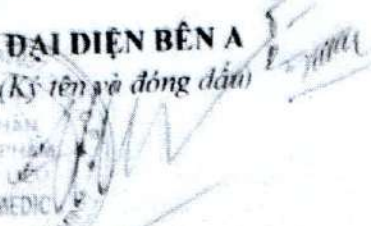
- Bảo đảm vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại đúng như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.
- Bên B sẽ thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của Bên A sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của Bên B.
- Bên B chịu trách nhiệm pháp lý; đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trong thời gian sớm nhất (48 giờ).

ĐIỀU 3: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

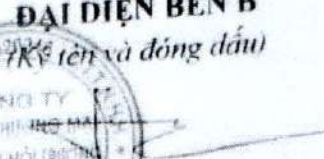
- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị tới ngày **31/12/2026**. Hợp đồng này được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị như nhau Bên A giữ 01 bản và Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên và đóng dấu)


LÊ VIỆT HÙNG

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên và đóng dấu)


PHAN THẾ TÙNG



8303
CÔNG TY
PHÂN
C PH
ĐC LI
ARME
HỒ HỒ



CTY TNHH TM DV MT TÙNG PHÁT
MST: 0318520346
Đ/C: 25/25 Lê Văn Thọ, P. Thông Tây Hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

Số: TP020/2026

Cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, Ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Công văn số Số: 67 /2025/QĐ-UBND ngày 01/06/2025 của ủy ban nhân dân TPHCM về việc triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2025 trên địa bàn

Căn cứ các văn bản khác có liên quan;

PHẦN 2. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Theo nhu cầu của hai bên, hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm:

Bên A (BÊN THUÊ DỊCH VỤ):

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

- Đại diện : Ông **LÊ VIỆT HÙNG** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh , TP. Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0300483037
- Điện thoại: 028 39 200 300 Fax: 028 39 200 096
- Số tài khoản giao dịch: 0071000381811. Tại Ngân Hàng Vietcombank – CN Sài Gòn

Bên B (BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ):

- Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG TÙNG PHÁT**
- Đại diện: Ông **PHAN THẾ TÙNG** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ trụ sở: 25/25 Lê Văn Thọ , Phường Thông Tây Hội, TP Hồ Chí Minh
- Mã số thuế: 0318520346
- Số điện thoại: 090 6926 988
- Số tài khoản Công Ty: **41027427** Tại: **NH Á Châu (ACB) – CN Gò Vấp**

PHẦN 3. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hôm nay, tại Phường Đông Hưng Thuận, Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) tại nguồn, theo đó Bên A thuê Bên B thực hiện các công việc của hợp đồng này với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Công việc hợp đồng

a) Nội dung công việc

Bên A thuê Bên B thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh về điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển theo đúng các quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Thu gom rác sinh hoạt tại địa điểm:

1/67 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận

b) Thời gian thực hiện thu gom trong khoảng từ 04 giờ đến 18 giờ.

c) Tần suất lấy rác: **Cách ngày/ lần**

d) Khối lượng rác phát sinh tính theo ngày (kg/ngày): kg/ ngày

e) Khối lượng rác phát sinh tính theo tháng (tấn/tháng): tấn/tháng

e) Phương tiện thu gom: **xe chuyên dụng**

2. Yêu cầu công việc

a) Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt (trừ chất thải rắn công kênh) của Bên A phải thu gom và vận chuyển hết đến nơi quy định.

b) Sử dụng phương tiện thu gom tại nguồn theo đúng quy định hiện hành.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom sẽ vận chuyển toàn bộ về điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển theo đúng các quy định hiện hành

3. Chất lượng công việc

Đảm bảo không rơi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác trong quá trình thu gom tại nguồn.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng/tháng: 4.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

Bằng chữ: *Bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.*

2. Tổng giá trị hợp đồng/năm: 52.320.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT)

Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.*

3. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản toàn bộ giá trị hợp đồng (100%) định kỳ hàng tháng/quý.

- Giá thu gom chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng sẽ được bên A đóng tùy thuộc vào phương án lựa chọn tổ chức thu giá dịch vụ của mỗi quận – huyện.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời hạn hợp đồng cung cấp dịch vụ có giá trị từ: **ngày 02 tháng 01 năm 2026 đến 31 tháng 12 năm 2026.**

ĐIỀU 4: ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:

1. Điều chỉnh mức phí thu gom theo các quy định của thành phố.
2. Thay đổi thời gian giao nhận chất thải rắn sinh hoạt.
3. Thay đổi tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thay đổi phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
5. Các nội dung khác tùy vào nhu cầu của 02 bên.

Hai bên phải báo trước cho nhau để cùng nhau thỏa thuận ký lại hợp đồng hoặc bổ sung phụ lục hợp đồng. Sau 07 ngày phải giải quyết xong hợp đồng đã điều chỉnh. Việc thu gom rác vẫn được thực hiện trong thời gian điều chỉnh hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA 2 BÊN

Bên A:

- Thực hiện phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.
- Sử dụng dụng cụ lưu chứa phù hợp với công nghệ thu gom, vận chuyển đã thống nhất với bên B.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận.
- Thanh toán theo đúng như thỏa thuận tại điều 1 của hợp đồng này.
- Không trộn lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn xây dựng với chất thải rắn sinh hoạt.

Bên B:

- Chịu trách nhiệm với nhà nước về toàn bộ quá trình lưu thông trên đường và đổ chất thải đúng nơi quy định.
- Đến nhận chất thải rắn sinh hoạt do bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận.
- Nhận khoản kinh phí dịch vụ theo điều 1 hợp đồng đã ký và thực hiện nộp thuế, trích nộp ngân sách theo quy định.
- Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và thực hiện đúng theo quy định về cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của thành phố.
- Đảm bảo sử dụng phương tiện thu gom tại nguồn và tần suất thu gom như đã thỏa thuận với bên A.

ĐIỀU 6: XỬ PHẠM VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Căn cứ các quy định gồm Bộ Luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực vệ sinh môi trường để bổ sung các hình thức xử phạt và các văn bản khác có liên quan, các bên tự thỏa thuận hành vi, mức phạt vi phạm giữa các bên trong hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.

1. Trường hợp bên A vi phạm hợp đồng đối với các hành vi:

- a) Đối với hành vi không giao chất thải rắn sinh hoạt đúng quy định.
- b) Đối với hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.
- c) Đối với hành vi trộn lẫn chất thải rắn sinh hoạt với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn xây dựng.

2. Trường hợp bên B vi phạm hợp đồng đối với các hành vi:

- a) Đối với hành vi không nhận chất thải rắn sinh hoạt đúng quy định.

b) Đối với hành vi không đưa chất thải rắn sinh hoạt đến điểm hẹn/trạm trung chuyển đúng quy định.

c) Đối với hành vi sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định; để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thu gom vận chuyển.

3. Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026. Hợp đồng này được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên và đóng dấu)



LÊ VIỆT HÙNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên và đóng dấu)



PHAN THẾ TÙNG

Số: 222 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với Cơ sở "Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic" tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra cơ

Sở ngày 18 tháng 10 năm 2023;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic tại Văn bản số 190/CV.2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 về đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở "Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic" tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 191/CV.2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 về giải trình nội dung chỉnh sửa về, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Phiếu trình số 448 /TTr-CCBVM-T-KSON ngày 11 tháng 3 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic, tại địa chỉ số 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với "Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic" tại địa chỉ số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 1/67 Nguyễn Văn Quá, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0300483037, Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 07 tháng 05 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Mã số thuế: 0300483037.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Tổng diện tích đất sử dụng của Cơ sở là 9.434,3 m², tọa lạc tại 1/67 Nguyễn Văn Quá, Khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Căn cứ theo Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2008 của

Ủy ban nhân dân Thành phố, gồm 3.591,9m²: (thời hạn sử dụng 50 năm, hết hạn ngày 30 tháng 9 năm 2058), 5.250,7m²(thời hạn sử dụng thuê ngắn hạn hàng năm), 591,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 830648 ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất: Sản xuất 80 loại dược phẩm và mỹ phẩm với công suất hiện tại khoảng 3.200 tấn sản phẩm/năm (tối đa nhà máy có thể thực hiện được là 3.500 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất thuốc viên: Nguyên liệu (các hoạt chất và tá dược) → Trộn khô (Máy trộn siêu tốc) → Trộn ướt (Máy trộn siêu tốc) → Máy xát hạt → Sấy cốm (Máy sấy tầng sôi) → Sửa hạt (Máy xát hạt) → Trộn hoàn tất (Máy trộn khô) → Dập viên (Máy dập viên) → Ép vỉ (Máy ép vỉ) → Vô hộp → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc bột: Nguyên liệu (các hoạt chất và tá dược) → Trộn ướt (Máy trộn siêu tốc) → Máy xát hạt → Sấy cốm (Máy sấy tầng sôi) → Sửa hạt (Máy xát hạt) → Trộn hoàn tất (Máy trộn khô) → Vô gói (Máy vô thuốc) → Vô hộp → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc nước: Nguyên liệu → Hòa tan nguyên liệu (Máy khuấy) → Lọc → Vô thuốc (Máy vô thuốc) → Vô hộp (Máy vô hộp) → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất thuốc kem-thuốc mỡ: Nguyên liệu → Đun nóng pha dầu (Bồn pha chế) → Khuấy phân tán (Bồn pha chế) → Làm mịn (Máy làm mịn) → Vô tuýp (Máy vô tuýp) → Vô hộp → Đóng thùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan khác.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 12 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- UBND Quận 12;
- UBND phường Đông Hưng Thuận, Quận 12;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. Châu.06b.

676

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
 - Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt quần áo bảo hộ của nhân viên
 - Nguồn thải 03: Nước rửa vệ sinh máy móc, thiết bị và vệ sinh chai lọ
 - Nguồn thải 04: Nước thải từ kiểm nghiệm.
 - Nguồn thải 05: Nước thải từ hệ thống RO.
 - Nguồn thải 06: Vệ sinh nhà chứa rác.
 - Nguồn thải 07: Nước thải từ vệ sinh bộ lọc của HTXL nước cấp cho cơ sở
- Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, màu, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Photpho, Tổng Nito, Chì và Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào kênh Tham Lương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Vị trí xả nước thải: Tại khuôn viên công ty tại địa chỉ 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°):
 $X(m) = 1\ 198\ 280$; $Y(m) = 596\ 110$.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và được giám sát trước khi bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó tự chảy vào kênh Tham Lương. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển

báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2 Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_p=0,9$, $K_f=1,1$, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_p=0,9$, $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9	03 tháng/lần (theo đề xuất của chủ cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
2	Màu	Pt/Co	148,5		
3	BOD ₅	mg/L	49,5		
4	COD	mg/L	148,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	99		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9		
7	Tổng Photpho	mg/L	5,94		
8	Tổng Nito	mg/L	39,6		
9	Chì	mg/L	0,495		
10	Coliforms	MNP/100mL	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom và qua các bể tự hoại có tổng thể tích 166 m³, nước thải giặt đồ bảo hộ (không được xử lý sơ bộ), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa UPVC, đường

kính D114 mm với tổng chiều dài 120m.

- Nước thải sản xuất được thu gom về HTXL nước thải bằng hệ thống đường ống nhựa UPVC, đường kính D200mm với tổng chiều dài 192m và D60 với tổng chiều dài 40m độ dốc 0,1% bố trí dọc theo các tuyến đường và các khu có phát sinh nước thải. Hệ thống được thiết kế theo cơ chế tự chảy (có trang bị dự phòng bơm cưỡng bức) đưa nước thải về khu XLNT 150 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B, Kq=0,9, Kf=1,1 trước khi thải ra Hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Kênh Tham Lương (riêng hệ thống RO và hệ thống lọc có đường ống thu gom nước thải 25m bằng ống uPVC đường kính D60 mm và D49mm nối trực tiếp vào đường ống thu gom nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 08 bể
- Vị trí các bể tự hoại:
 - Vị trí: 02 bể ở nhà vệ sinh phía sau khu vực bảo vệ, 02 bể ở nhà vệ sinh bên ngoài khu vực phân xưởng viên bột và 04 bể ở nhà vệ sinh khu vực cạnh khu vực Phòng Kiểm tra chất lượng.

- Công suất thiết kế: thể tích mỗi bể tự hoại 20,8 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nước thải sinh hoạt → bể tự hoại + nước giặt đồ bảo hộ + nước thải sản xuất) → bể thu gom → Bồn trung hòa → Bể điều hòa → Cụm hóa lý → Bể đệm → bể hiếu khí → bể lắng → bể trung gian → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer và Chlorine.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có công trình ứng phó sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố:





- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung duy trì bùn hoạt tính vào bể sinh học hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật; bổ sung hóa chất khử trùng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các hố ga thì dừng sản xuất của toàn bộ cơ sở để tiến hành khắc phục.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra và giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý để sớm phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp gặp sự cố:

- Phải lập tức báo cáo tới cấp trên khi có các sự cố xảy ra.

- Tiến hành giải quyết các sự cố kịp thời.
- Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống XLNT.
- Trong trường hợp không sửa chữa được thì thuê đơn vị có chức năng đến sửa chữa trong thời gian sớm nhất.
- Chủ cơ sở cam kết không xả nước thải ra môi trường khi trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố không đảm bảo chất lượng nước thải trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; xả thải đúng quy định; xây dựng hồ ga đầu nối nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT – CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn thải 01: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất tại phân xưởng viên bột, 4 ống thải, mỗi ống lưu lưu lượng $2.142\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 02: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc nước, 3 ống thải, lưu lượng mỗi ống $3.200\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 03: Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc kem mỡ, 1 ống thải, lưu lượng $3.200\text{m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 04: Bụi, khí thải từ tủ hút hoá chất phòng pha mẫu của khu vực kiểm nghiệm, 1 ống thải lưu lượng $394\text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 05: Bụi, khí thải từ tủ hút hoá chất phòng độ hoà tan và tủ chứa hóa chất của khu vực kiểm nghiệm , lưu lượng $394\text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Nguồn thải 06: Bụi, khí thải từ phòng kiểm nghiệm vi sinh, lưu lượng $1.800\text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Nguồn thải 07: Bụi, khí thải từ Khu cân cấp phát và lấy mẫu kho Nguyên liệu bao bì, lưu lượng $3.200\text{ m}^3/\text{giờ}$.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả thải: trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược Liệu Pharmedic tại 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phân xưởng viên bột, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197880,10$, $Y = 595971,50$;
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phòng sản xuất thuốc nước, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197872,00$; $Y = 595962,39$;
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ sản xuất thuốc kem mỡ, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197868,03$; $Y = 595969,53$;

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ các tay hút của phòng pha mẫu tại Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197882,15$; $Y = 595977,22$;

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ tủ hút hóa chất phòng pha mẫu của Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197883,76$; $Y = 595990,04$;

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ phòng Vệ sinh của Khu vực kiểm nghiệm, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197885,26$; $Y = 595972,42$;

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát bụi, khí thải từ Kho nguyên liệu bao bì, toạ độ vị trí xả thải: $X = 1197875,00$; $Y = 595992,81$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B $K_p = 1$, $K_v = 0,8$, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng thải	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	120		
3	SO_2	mg/Nm^3	300		
4	NO_2	mg/Nm^3	510		
5	CO	mg/Nm^3	600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phân xưởng viên bột;

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phòng sản xuất thuốc nước;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ sản xuất thuốc kem mỡ;
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ các tay hút của phòng pha mẫu tại Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ tủ hút hóa chất phòng pha mẫu của Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải sau xử lý được thoát qua ống thoát khí thải từ phòng Vi sinh của Khu vực kiểm nghiệm.
- Nguồn khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí thải từ Kho nguyên liệu bao bì, tọa độ vị trí xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống thoát khí số 1-3, 6-7: Không khí → Hệ thống thông gió và lọc bụi cho khu vực sản xuất (hệ thống HVAC) → ống thoát khí.
- Hệ thống thoát khí số 4-5: Khí thải → hệ thống xử lý mùi, khí thải → ống thoát khí. Ống khói vật liệu cấu tạo PVC dày 2mm; đường kính Ø350mm; chiều cao ống khói 4m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống hút khí, đường ống dẫn khí và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.
- Kiểm định, hiệu chuẩn thường xuyên máy móc thiết bị sản xuất, đảm bảo hoạt động đúng công suất đã đăng ký.
- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời (như đường ống, van,...).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.





3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị cho phép	Đơn vị tính	Giá trị cho phép
Chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị cho phép	Đơn vị tính	Giá trị cho phép



PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

((Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222 /GPMT-STNMT – CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: từ máy phát điện dự phòng 250 kVA;
- Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng 250 kVA;
- Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng 390 kVA;
- Nguồn số 04: từ máy phát điện dự phòng 390 kVA;
- Nguồn số 05: từ khu vực xử lý nước thải;
- Nguồn số 06: từ nhà để xe.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X=1197885,10, Y=595999,59;
- Nguồn số 02: X=1197882,40, Y=595992,67;
- Nguồn số 03: X=1197783,68, Y=595971,47;
- Nguồn số 04: X=1197789,91, Y=595973,95;
- Nguồn số 05: X=1197870,00, Y=595952,39;
- Nguồn số 06: X=1197996,77, Y=595982,34.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi giờ 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	----------------------------	----------------------------	----------------------------	---------

1	70	60	Không	Khu vực thông thường
---	----	----	-------	----------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công nghệ sản xuất của cơ sở theo dây chuyền sản xuất khép kín hiện đại nên độ ồn không quá lớn tới mức gây ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân làm việc trong dự án.
- Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt hút mùi của Cơ sở.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Cơ sở.
- Trồng cây xanh (cây bóng mát như: bàng lẵng, phượng, cọ,...) và thảm cỏ góp phần giảm thiểu lan truyền bụi, tiếng ồn, bảo vệ môi trường, làm đẹp khuôn viên dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.



PHỤ LỤC 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222/GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng tối đa (kg/năm)
1	Bao bì mềm	18 01 01	Rắn	NH	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Rắn	NH	0
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	NH	0
4	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	NH	10
5	Giẻ lau thải, vật liệu lọc, Chất hấp thụ	18 02 01	Rắn	KS	50
6	Bùn thải	03 05 08	Rắn	KS	0
7	Hóa chất thải	13 01 02	Rắn	NH	3500
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	KS	1
9	Dược phẩm thải	13 01 03	Lỏng	KS	1.500
10	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	NH	150
Tổng khối lượng					5.211

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	20
Tổng khối lượng		20

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt thông thường	7,15	85,8
Tổng khối lượng		7,15	85,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa bằng HDPE có nắp đậy; bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 7m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mặt sàn bằng bê tông bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; có tường bao quanh; có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: chất thải được lưu chứa trong các bao tải, sau đó vận chuyển đến khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 9 m² (bên cạnh đó còn xây dựng kho chứa bùn 6,2m²)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có tường tôn, mái che; nền bê tông với cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có dán biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các loại thùng nhựa bằng HDPE có nắp đậy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích điểm tập kết: 7 m².

- Thiết kế, cấu tạo của điểm tập kết: bố trí các thùng chứa có nắp đậy chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu văn phòng, nhà vệ sinh, hành lang và xung quanh nhà xưởng. Cuối ngày, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom từ các thùng chứa về điểm tập kết và được chuyển giao hàng ngày cho đơn vị có chức năng. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt được đặt trên nền bê tông bằng phẳng đặt phía trước cơ sở, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý. Điểm tập kết hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau và có đèn chiếu sáng. Cơ sở thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống thu gom bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.





**PHỤ LỤC 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 222/GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành toàn bộ hạng mục, công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 192/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của "Nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Pharmedic" tại số 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0300483037

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 1997

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 15 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHARMEDIC PHARMACEUTICAL MEDICINAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHARMEDIC JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

367 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (848)39200300

Số Fax: (848)39200096

Thư điện tử: pharmedic@vnn.vn

Website:

<http://www.pharmedic.com.vn>

3. Vốn điều lệ: 93.325.730.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.332.573

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ VIỆT HÙNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 31/05/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 025063000202

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Saigon Pearl 92 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Thị Ngọc Hiền

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Về phòng cháy, chữa cháy

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại: Nhà máy SX – Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

Địa chỉ: Số 1/67 Đường ĐHT10B, khu phố 49, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH (PC07)

- Ông: Đại úy Nguyễn Việt Dũng - Cán bộ kiểm tra - Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu vực 12 - Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH;

- Ông: Đại úy Phạm Duy Nghiêm - Cán bộ - Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu vực 12 - Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) đối với: Nhà máy SX – Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, địa chỉ: Số 1/67 Đường ĐHT10B, khu phố 49, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Đại diện cơ sở:** Nhà máy SX – Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Ông: Trà Quang Trinh

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Cao Ngọc Phong

- Chức vụ: Trưởng phòng HC Quản trị

- Ông: Võ Văn Hiếu

- Chức vụ: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở.

- Ông: Trịnh Đăng Vương

- Chức vụ: P. Đội trưởng Đội PCCC cơ sở

Thực hiện Thông báo số 179/TBKT-PC07-KV12 ngày 14/01/2026 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH về việc kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo kế hoạch số 2505/KH-PC07 ngày 12/12/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với Nhà máy SX – Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic:

I. Nội dung và kết quả kiểm tra như sau:**1. Phần trình bày của cơ sở**

- Cơ sở có diện tích mặt bằng khoảng 11000m² diện tích xây dựng khoảng 8000m², khối tích khoảng 40.000m³, có quy mô 01 tầng trệt. Tính chất hoạt động sản xuất dược phẩm.

- Tổng số người làm việc tại cơ sở là 350 người, làm việc trong giờ hành chính. Có văn bản phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở.

- Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy xách tay các loại, mặt nạ phòng độc, búa, rìu và niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC theo quy định.

- Cơ sở đã được hướng dẫn các điều kiện an toàn về PCCC, đã nhận thông báo kiểm tra an toàn PCCC trước 03 ngày.

- Công ty xây dựng và đưa vào hoạt động từ tháng 1997 đến nay theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300483037 cấp ngày 07/05/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh với tính chất hoạt động sản xuất được phẩm.

II. Nội dung, kết quả kiểm tra của các đơn vị

1. Nội dung kiểm tra của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

1.1 Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người đứng đầu cơ sở: (quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ);

a) Về tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý:

- Đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC tại cơ sở; đã huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho người được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH tại cơ sở; người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở.

b) Kiểm tra việc thành lập, duy trì hoạt động của Đội PCCC và CNCH cơ sở hoặc văn bản phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở:

- Đã có văn bản phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở, đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 20 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Số lượng thành viên đội PCCC và CNCH cơ sở đảm bảo số số người làm việc tại cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Cơ sở có nguồn kinh phí, trang bị phương tiện PCCC và CNCH, bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở.

c) Kiểm tra việc ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy PCCC, CNCH:

- Có ban hành nội quy PCCC, CNCH; nội quy đầy đủ nội dung, phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của cơ sở theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

d) Kiểm tra việc xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật:

Đã xây dựng phương án CC, CNCH theo mẫu PC06 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ đủ nội dung theo quy định, đã được phê duyệt theo quy định.

e) Kiểm tra việc lập, quản lý hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý:

- Đã lập hồ sơ quản lý về PCCC, CNCH của cơ sở theo quy định; thành phần hồ sơ bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm thẩm định thiết kế, công năng sử dụng, cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng, xây dựng thêm hạng mục trong cơ sở đang hoạt động:

- Cơ sở có diện tích mặt bằng khoảng 11000m^2 diện tích xây dựng khoảng 8000m^2 , khối tích khoảng 40.000m^3 , có quy mô 01 tầng trệt. Tính chất hoạt động sản xuất được phẩm.

- Công ty có các hạng mục, công trình sau:

+ Khu vực văn phòng tầng 01 có diện tích khoảng 36m^2 , kết cấu công trình là tường gạch, bê tông cốt thép bậc chịu lửa bậc II.

- Khu vực kho thành phẩm tầng 1 có diện tích xây dựng khoảng 308m^2 được xây dựng tường gạch, cột bê tông. Có một cửa ra vào $2,5\text{m}$, cao $3,2\text{m}$ thông ra sân, có 2 cầu thang bộ thông lên tầng 2 hội trường về thang rộng $1,2\text{m}$ được bố trí gần cửa ra vào.

- Khu vực phân xưởng dầu nước có diện tích xây dựng khoảng 2208m^2 được xây dựng tường gạch cột bê tông chịu lực, sàn bê tông, có 4 cửa ra vào rộng $2,2\text{m}$, cao $3,2\text{m}$, được làm bằng sắt các cửa thông ra đường nội bộ cơ sở, có 1 cầu thang bộ thông lên tầng trên về thang rộng $1,2\text{m}$.

- Khu vực kho bao bì được xây dựng 720m^2 , được xây dựng tường gạch, mái tôn. Có 2 cửa thoát nạn rộng 2m đến 3m , chiều cao $2,2\text{m}$ làm bằng sắt thông ra sân có 1 cầu thang bộ thông lên tầng trên về thang rộng $1,2\text{m}$.

- Khu vực phân xưởng viên bột được xây dựng 1140m^2 được xây dựng tường gạch, mái tôn. Có 2 cửa thoát nạn rộng 2m đến 3m , chiều cao $2,2\text{m}$ làm bằng sắt.

- Khu vực kiểm tra chất lượng và nghiên cứu phát triển có tổng diện tích 301m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 5 cửa thông ra cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt, bậc chịu lửa bậc II.

- Kho nguyên liệu lỏng có tổng diện tích 104m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 3 cửa thông ra sân cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt, bậc chịu lửa bậc II.

- Kho thành phẩm 1 có tổng diện tích 72m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 3 cửa thông ra sân cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt, bậc chịu lửa bậc II.

- Kho thành phẩm 2- Tầng 1, khu vực thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi- Tầng 2 có tổng diện tích 551m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 2 cửa thông ra sân cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt có 1 cầu thang bộ thông từ tầng 1 lên tầng 2 về thang rộng khoảng $0,8\text{m}$ bậc chịu lửa bậc II.

- Văn phòng có tổng diện tích 100m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 1 cửa thông ra sân cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt, bậc chịu lửa bậc II.

- Khu vực viên sủi, thuốc bột có tổng diện tích 360m^2 , được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, có 4 cửa thông ra sân cơ sở và hành lang thoát hiểm, có chiều rộng $2,2\text{m}$ đến $2,8\text{m}$, cao khoảng $2,4\text{m}$ làm bằng sắt, bậc chịu lửa bậc II.

- Diện tích còn lại là các công trình phụ như đường đi, sân, nhà khách, căn tin...

h) Luôn thực hiện nhiệm vụ khác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật:

+ Việc thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ: Cơ sở đã làm hợp đồng mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Tổng công ty bảo hiểm BIDV ngày 19/12/2025.

+ Cơ sở có biên bản đo điện trở của hệ thống chống sét của công ty CP kiểm định MỘT theo quy định.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 544/TD-PCCC, ngày 10 tháng 5 năm 2003 do Công an TP. HCM cấp. Công văn nghiệm thu về PCCC số 471/PCCC/NT, ngày 26/5/2005 do Công an TP. HCM cấp.

2. Kiểm tra thực tế trách nhiệm duy trì các điều kiện về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở.

a) Về trang bị phương tiện PCCC ban đầu, phương tiện, dụng cụ CNCH, dụng cụ phá dỡ thô sơ:

- Cơ sở trang bị 187 bình chữa cháy các loại; trang bị 01 bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ theo quy định (búa tạ, rìu, xà beng, kim cộng lực).

- Kiểm tra bình chữa cháy: các bình chữa cháy bố trí tại hành lang các tầng, nhà xe, nơi dễ thấy dễ lấy để sử dụng; bình chữa cháy đã được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ (có phiếu bảo hành).

- Có trang bị đủ số lượng, loại bình chữa cháy, phương tiện, dụng cụ CNCH, dụng cụ phá dỡ thô sơ tại các khu vực đáp ứng yêu cầu chữa cháy theo quy định;

- Đã lắp đặt thiết bị chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13456:2022.

b) Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động:

- Tủ trung tâm báo cháy: trung tâm báo cháy đặt tại khu vực bảo vệ, chiều cao khoảng 1.2m; có người thường trực để xử lý kỹ thuật, có bảng hướng dẫn sử dụng hệ thống khi có sự cố; đèn tín hiệu của tủ đang ở trạng thái hoạt động bình thường; nguồn điện cấp gồm 02 nguồn (AC và DC).

- Thử nghiệm 03 đầu báo cháy khói (01 đầu báo tại khu vực phân xưởng thuốc nhỏ mắt, 01 đầu báo tại khu vực phòng kiểm nghiệm, 01 đầu báo tại khu vực phân xưởng viên bột), kiểm tra nút ấn báo cháy, ghi nhận tín hiệu báo cháy hoạt động ổn định, còi báo phát tín hiệu to rõ, trung tâm báo cháy hiển thị đúng khu vực.

c) Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà:

- Kiểm tra trạm bơm chữa cháy: phòng bơm, tủ điều khiển bơm bố trí tại khu vực riêng biệt tại sân phía trước cơ sở, thuận lợi thao tác; nguồn điện cấp cho máy bơm từ tủ điện, cụm bơm hoạt động ở chế độ tự động; gồm 02 bơm chữa cháy (bơm điện) công suất mỗi bơm 15hp và 01 bơm điện 7,5hp và 01 máy nổ (động cơ dầu).

- Kiểm tra bể nước chữa cháy: bể nước chữa cháy có khối tích khoảng 88m³, nguồn nước cấp cho bể nước từ nguồn nước thủy cục, kiểm tra ghi nhận nước trong bể duy trì trên 2/3 thể tích bể.

- Kiểm tra hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà ghi nhận các tủ nguyên vẹn, đảm bảo chiều cao 1,25m, bố trí nơi dễ thấy, dễ lấy, bên trong gồm 01 cuộn vòi và lăng B. Thử nghiệm hoạt động của 02 họng nước chữa cháy tại khu vực

kiểm nghiệm và khu vực đầu nước ghi nhận đường ống không bị rò rỉ, khớp nối không bị hư hỏng, tia nước đặc đầu lăng đảm bảo khoảng cách theo quy định

d). Kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà:

- Trong bán kính 300m: có 01 trụ nước chữa cháy trên đường ĐHT 10B có lưu lượng 14 l/s, tại thời điểm kiểm tra xe và máy bơm chữa cháy tiếp cận và hút nước được.

đ). Kiểm tra hệ thống, thiết bị chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:

- Đã duy trì tình trạng của hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố theo đúng vị trí, chức năng, không bị tháo, che lấp, mất tác dụng, hỏng.

- Thử nghiệm hoạt động của đèn: Kết quả tại thời điểm kiểm tra đèn đang duy trì hoạt động theo chức năng.

e). Niêm yết nội quy PCCC và CNCH:

- Cơ sở đã niêm yết nội quy PCCC và CNCH do người đứng đầu cơ sở ban hành phù hợp với công năng của từng khu vực; vị trí niêm yết bảo đảm dễ thấy không bị che lấp, mất tác dụng, hỏng.

- Cơ sở niêm yết biển báo, biển cấm về PCCC, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn; biển cấm, biển cảnh báo ở những khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn trong cơ sở quy định tại Điều 19 và Điều 21 Luật PCCC và CNCH.

g). Kiểm tra hệ thống điện phục vụ PCCC:

- Kiểm tra hệ thống dây dẫn điện cấp cho các phụ tải tiêu thụ tại các tầng trong tường, trần, và một số đi trong ống bảo vệ trên tường, âm tường; trang bị thiết bị đóng ngắt tự động của mỗi tầng (Aptomat) tại thời điểm kiểm tra các thiết bị tiêu thụ điện bố trí cách xa các chất, vật liệu dễ cháy.

h). Lực lượng PCCC cơ sở:

- Cơ sở ban hành quyết định phân công 25 người thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở; đã được tập huấn nghiệp vụ PCCC.

- Kiểm tra nhận thức và thực hành thử nghiệm hệ thống PCCC được nêu tại mục c, ghi nhận lực lượng cơ sở triển khai nhanh, nắm rõ quy trình xử lý sự cố cháy, nổ; biết sử dụng thành thạo các phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở để chữa cháy ban đầu.

III. Nhận xét, đánh giá

- Tại thời điểm kiểm tra, người đứng đầu cơ sở cơ bản đã thực hiện trách nhiệm PCCC và CNCH, thực hiện, duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH của cơ sở.

IV. Kiến nghị, hướng dẫn

1. Kiến nghị

Lãnh đạo cơ sở phải khai báo, trang bị thiết bị truyền tin báo cháy, cập nhật dữ liệu về PCCC&CNCH và kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC&CNCH và truyền tin báo cháy quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện nghiêm)

2. Hướng dẫn tăng cường công tác PCCC và CNCH

Đề duy trì công tác PCCC và CNCH, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH hướng dẫn người đứng đầu cơ sở một số nội dung sau:

a) Thường xuyên cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và hoạt động CNCH đảm bảo thành phần theo quy định.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện nghiêm).

b) Duy trì chế độ bảo trì, bảo dưỡng phương tiện, hệ thống PCCC thường xuyên 01 tháng/lần; tổ chức tự kiểm tra về PCCC&CNCH và lập biên bản tự kiểm tra về PCCC theo mẫu PC02, báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ định kỳ 6 tháng theo mẫu PC04 theo Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ gửi về Phòng PC07.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện nghiêm).

c) Lãnh đạo cơ sở tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ 01 lần/năm theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Luật PCCC&CNCH số 55/2024/QH15 ngày 30/12/2024 của Quốc Hội.

(Thời gian thực hiện: Thực hiện xong trong năm 2026).

d) Tăng cường công tác tự kiểm tra PCCC tại chỗ; quản lý chặt nguồn lửa, nguồn nhiệt tại cơ sở để phòng sự cố cháy, nổ xảy ra. Kiểm tra tính thường trực sẵn sàng của lực lượng PCCC tại chỗ 24/24, đặc biệt là những ngày thời tiết nắng nóng... nhằm xử lý kịp thời các tình huống cháy, nổ khi mới phát sinh.

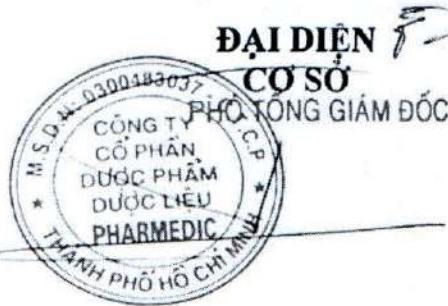
(Yêu cầu: thực hiện thường xuyên).

e) Lãnh đạo cơ sở luôn duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn về PCCC như tại thời điểm kiểm tra.

(Yêu cầu: thực hiện đúng theo quy định).

* Ý kiến của cơ sở: thống nhất nội dung làm việc của Đoàn kiểm tra.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 06 trang, được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



ThS.DS. *Trà Quang Trĩnh*

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ
PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
LIÊN QUAN

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA

Đại úy Nguyễn Việt Dũng